Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI XÃ PHƯỚC LƯU, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ CHÍNH SÁCH CÔNG

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI XÃ PHƯỚC LƯU, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Ngành: Chính Sách

Công Mã số:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

LỜI CAM ĐOAN

Trong quá trình thực hiện luận văn này, tác giả có nghiên cứu tham khảo, kế thừa và sử dụng những thông tin, số liệu từ một số tài liệu như: sách chuyên ngành chính sách công , luận văn, tạp chí, bài tham luận… theo danh mục tài liệu tham khảo.

Tôi xin cam đoan các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này có nguồn gốc rõ ràng, trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng mình và chịu hoàn toàn trách nhiệm về cam đoan của mình.

Tác giả luận văn

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU

17

1.1. Cơ sở lý luận về giảm nghèo đa chiều 17

1.1.1. *Khái niệm về nghèo* 17

1.1.2. *Phương pháp đo lường nghèo đa chiều ở Việt Nam* 18

1.1.3. *Sự cần thiết giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều* 20

1.1.4. *Khái niệm nghèo đa chiều* 21

1.1.5. *Phương pháp và tiêu chí đo lường nghèo đa chiều* 21

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều 26

1.2.1. *Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của địa phương* 26

1.2.2. *Các chính sách của Nhà nước* 27

1.2.3. *Rủi ro thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác* 28

1.2.4. *Dân số và nguồn lao động* 28

1.2.5. *Đặc điểm cơ sở hạ tầng kinh tế - kỷ thuật – xã hội* 29

1.2.6. *Đặc điểm về văn hóa - xã hội của hộ nghèo* 29

1.3. Cơ sở lý luận chính sách công và thực hiện chính sách công 29

1.3.1. *Khái niệm chính sách* 30

1.3.2. *Khái niệm chính sách công* 30

1.3.3. *Khái niệm thực hiện chính sách công* 31

1.3.4. *Thực hiện chính sách trong chu trình chính sách công* 31

1.4. Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều 32

1.5. Quy trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều 36

1.5.1. *Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách* 36

1.5.2. *Phổ biến tuyên truyền về chính sách* 37

1.5.3. *Huy động nguồn lực để thực hiện chính sách* 38

1.5.4. *Phân công,phối hợp thực hiện chính sách* 38

1.5.5. *Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chính sách* 39

1.6. Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở một số địa phương và bài học rút ra cho Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh
40

1.6.1. *Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở một xã biên giới giáp Campuchia (Xã Bình Thạnh – Huyện Trãng Bàng – Tỉnh Tây Ninh)*
40

1.6.2. *Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở Thành Phố Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh* 41

1.6.3. *Bài học kinh nghiệm rút ra cho Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh*
44

Chương 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI XÃ PHƯỚC LƯU HUYỆN TRẢNG BÀNG – TỈNH TÂY NINH 47

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội 47

2.1.1. *Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên* 47

2.1.2. *Điều kiện kinh tế - xã hội* 48

2.1.3 .Điều kiện phát triển văn hóa, xã hội 49

2.2. Thực trạng hộ nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh
49

2.2.1. *Phân tích tình hình hộ cận nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản*
49

2.2.2. *Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo* 57

2.3. Thực trạng công tác giảm nghèo đa chiều trên địa bàn Xã Phước Lưu giai đoạn: 2015-2019
61

2.3.1. *Chuyển đổi cách tiếp cận nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều ở xã Phước Lưu*
61
2.3.2. *Một số chính sách giảm nghèo đa chiều được áp dụng trên địa bàn Tỉnh Tây Ninh*
62
2.3.3. *Thực trạng giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu giai đoạn 2015 – 2019* 65
2.3.4. Một số chính sách giảm nghèo đa chiều đã và đang được áp dụng tại xã Phước Lưu 66
2.4. Đánh giá kết quả giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu 69
2.4.1. *Những kết quả đạt được* 69
2.4.2. *Những tồn tại , hạn chế* 71
2.4.3. *Nguyên nhân tồn tại, hạn chế* 76
Chương 3: MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHƯỚC LƯU – HUYỆN TRẢNG BÀNG – TỈNH TÂY NINH
79
3.1. Mục tiêu, phương hướng thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh
79
3.1.1. *Mục tiêu về giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu* 79
3.2. Phương hướng thực hiện giảm nghèo của xã Phước Lưu đến năm 2020 80
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu đến năm 2020 và những năm tiếp theo
81
3.4. Kiến nghị, đề xuất 84
3.4.1. *Kiến nghị* 84
3.4.2. *Đề xuất* 86

KẾT LUẬN 92

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

GNĐC	Giảm nghèo đa chiều
HĐND	Hội đồng nhân dân
KT-XH	Kinh tế xã hội
UBND	Uỷ ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Xác định nghèo đa chiều ở Việt Nam 23

Bảng 2.1. Phân tích hộ cận nghèo tại Xã Phước Lưu theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2018
50

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu y tế của hộ cận nghèo trên địa xã Phước Lưu
51

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu giáo dục của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu
52

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu nhà ở của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu
54

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về điều kiện sống của hộ cận nghèo trên địa bàn Xã Phước Lưu
55

Bảng 2.6. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu tiếp cận thông tin của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu
56

Bảng 2.7. Ảnh hưởng quy mô hộ gia đình tới hộ nghèo (n=55) 58

Bảng 2.8. Ảnh hưởng của quy mô đất đai với nhóm hộ nghèo (n=55) 58

Bảng 2.9. Ảnh hưởng của trình độ học vấn với nhóm hộ nghèo (n=55) 59

Bảng 2.10. Nguyên nhân khác dẫn đến nghèo (n=55) 60

Bảng 2.11. Tỷ lệ hộ nghèo Xã Phước Lưu theo tiếp cận đơn chiều và tiếp cận đa chiều
62

Bảng 2.12. Tổng hợp kết quả điều tra số hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 - 2019
65

Bảng 2.13. Tổng hợp kết quả về tiếp cận các chính sách GNĐC năm 2018 72

Bảng 2.14. Tổng hợp ý thức khả năng thoát nghèo năm 2018 Xã Phước Lưu 73

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

Bảng 2.15. Ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện các chính sách GNĐC 75

Bảng 2.16. Có cần thiết tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án GNĐC đối với hộ nghèo nữa không?

76

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Khung lý thuyết quy trình thực hiện chính sách GNĐC 14

Sơ đồ 1.2. Khung lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến GNĐC 14

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nhiều năm qua giảm nghèo vẫn là vấn đề cấp thiết cần giải quyết của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện qua văn kiện của các nhiệm kỳ Đại hội Đảng như: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định: "Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa nguồn lực và phương thức để đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên. Có các chính sách và giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị". [16, tr.124-125] Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII đã chỉ rõ: "Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng các giải pháp tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững. Khuyến khích nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh xã hội của người dân". [17, tr.300] Qua đó, vai trò của Nhà nước trong công cuộc giảm nghèo một lần nữa được khẳng định, chỉ có Nhà nước mới có đủ điều kiện, công cụ để chỉ đạo các địa phương thực hiện các chính sách hỗ trợ một cách đồng bộ, toàn diện thúc đẩy sự phát triển về chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội giúp khoảng cách giàu nghèo giữa các khu vực, các hộ gia đình được rút ngắn lại.

Từ đó để chuyển đổi mạnh mẽ chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững, năm 2015 Chính Phủ Việt Nam thông qua phương pháp tiếp cận đa chiều để đo lường nghèo đói bằng Quyết định số: 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. [52] thay thế Quyết định số : 09/2011/QĐ-TTg, ngày 30/01/2011 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.[49] Đây là một bước chuyển mình rất lớn của Chính phủ nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo giúp họ vươn lên thoát nghèo một cách bền vững mà không tái nghèo.

Là một huyện nằm ngay cửa ngỏ của Tỉnh Tây Ninh, giáp với Thành Phố Hồ Chí Minh, huyện Trảng Bàng đã từng bước đi lên để trở thành Thị xã Trảng Bàng trong năm 2020. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, Trảng Bàng vẫn còn bộc lộ những hạn chế, đặc biệt là trong công tác giảm nghèo và giảm nghèo đa chiều một cách bền vững. Trong đó xã Phước Lưu là xã có tỷ lệ hộ nghèo tập trung cao nhất huyện. Với 4 ấp vùng gò và 1 ấp ven sông Vàm Cỏ Đông, khí hậu khắc nghiệt, lũ lụt thường xuyên xãy ra, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư, đời sống nhân dân trên 80% làm nông nghiệp, nên còn gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy tỷ lệ hộ nghèo hộ nghèo năm 2016 là 4,8 %, [71] (so với tiêu chí hộ nghèo đạt xã nông thôn mới là dưới 1%) chiếm khá cao so với tỷ lệ hộ nghèo chung Huyện. Trong những năm qua với nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững. Song, một bộ phận không nhỏ dân cư xã đang chịu cảnh nghèo, chưa đảm bảo được những điều kiện tối thiểu của cuộc sống như : nhà ở, việc làm ăn, ở, đi lại... Để có thể hoàn thành mục tiêu giảm nghèo và giảm nghèo đa chiều một cách bền vững thì trước tiên phải rút ngắn sự phân hoá giàu nghèo. Chính vì vậy hộ nghèo cần có những chính sách xã hội cơ bản để tạo cơ hội cho họ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, để cho người nghèo có cơ hội và điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội phát triển sản xuất tự vươn lên thoát nghèo. Phước Lưu là một trong những xã sớm triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo đa chiều. Với nhiều hình thức khác nhau, chính quyền địa phương đã triển khai những chính sách từ Trung ương, đồng thời xây dựng những chính sách phù hợp với địa phương đến tận người dân để đưa ra lời giải đáp và cũng đã tìm ra được nhiều hướng đi hiệu quả trong công tác giảm nghèo đa chiều.

Với lý do trên tôi xin đưa ra đề tài luận văn để nghiên cứu là "***Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.***" Để thấy những kết quả đã đạt được và những yếu kém cần khắc phục trong quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều. Từ đó có kiến nghị và đề

xuất giải pháp tốt hơn, có hiệu quả hơn trong công tác giảm nghèo đa chiều ở địa phương.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Các công trình nghiên cứu về xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam

Công trình nghiên cứu "Chính sách xóa đói giảm nghèo – thực trạng và giải pháp" của Lê Quốc Lý (chủ biên) Nhà xuất bản chính trị quốc gia năm 2012 có nội dung phong phú liên quan đến thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo. Đánh giá tổng quát thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam giai đoạn 2001-2010; giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam thời gian tới. Tuy vậy, công trình này vẫn chỉ dừng lại ở việc đưa ra những bất cập và tồn tại của chính sách giảm nghèo Việt Nam trong giai đoạn đó và chưa đề cập đến cách tiếp cận nghèo đa chiều hay các biện pháp giảm nghèo bền vững.[31]

Nghiên cứu "Định hướng và những giải pháp hoàn thiện chính sách giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020" của Ngô Trường Thi (2016) đã phân tích hệ thống chính sách đối với miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2011 - 2015, cụ thể đã phân tích những ưu điểm cũng như những hạn chế yếu kém trong việc thực hiện các chính sách này. Trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020. Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa đề cập đến mối quan hệ ảnh hưởng giữa chính sách xóa đói giảm nghèo tới đồng bào dân tộc thiểu số. Hơn thế nữa, nghiên cứu này có quy mô trên phạm vi toàn quốc nên không nêu được thực trạng các chính sách cụ thể ở từng vùng. Do vậy, dù nghiên cứu này là một tài liệu có ích cho việc tổng quan các tài liệu luận văn của tác giả song cần thay đổi cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu để đạt được mục tiêu nghiên cứu của luận văn mà tác giả đang tiến hành.[42]

Nghiên cứu "Hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo chủ yếu của Việt Nam đến năm 2015" của tác giả Nguyễn Thị Hoa (2009) đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như phương pháp thống kê, phương pháp phân tích định

tính, phương pháp suy luận logic, dẫn giải trong quá trình phân tích. Trong đó, thống kê và suy luận logic, dẫn giải trong quá trình phân tích là hai phương pháp chủ đạo được tác giả sử dụng nhiều cho luận văn. Nghiên cứu góp phần bổ sung các vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác hoạch định chính sách xóa đói giảm nghèo, qua đó tác giả đã tập trung đánh giá tình hình thực hiện một số chính sách xóa đói giảm nghèo. Quá trình phân tích, đánh giá đã chỉ ra những ưu, nhược điểm mà mỗi chính sách mang lại đồng thời cũng tìm ra các vấn đề bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện chính sách. Trên cơ sở đó đề xuất định hướng cũng như giải pháp hoàn thiện chính sách xóa đói giảm nghèo của Việt Nam đến năm 2015.[23]

2.2. Các công trình nghiên cứu Quản lý Nhà nước về giảm nghèo ở một số địa phương và huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

2.2.1. Các công trình nghiên cứu Quản lý Nhà nước về giảm nghèo ở một số địa phương

Luận văn Thạc sỹ chính sách công Châu Văn Hiếu (2016) đã giải quyết được các vấn đề về quá trình thực tế tại huyện An Lão đối với công tác thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững, những nguyên nhân và cả những mặt hạn chế, hiệu quả. Từ đó, đề xuất các giải pháp và thực trạng nhằm mang lại sự hoàn chỉnh về chính sách giảm nghèo bền vững cho huyện An Lão trong thời gian đến 2016 – 2020. [21]

Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thế Tân (2015) “Quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh", đã đề cập đến thực trạng việc thực hiện quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững tại tỉnh Quảng Ninh, qua đó tác giả đã đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại tỉnh Quảng Ninh. [41]

Luận văn của Nguyễn Út Ngọc Mai (2015) "Quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ” đã đề cập tới một số nội dung lý luận liên quan tới giảm nghèo bền vững và cũng đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững từ góc độ thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, nguồn lực, hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát gắn liền với địa bàn nghiên cứu. [33]

Luận văn thạc sĩ Liêu Khắc Dũng (2017) "Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang" đã đánh giá hoạt động quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên dưới góc độ ban hành chương trình, kế hoạch và các quy định thực hiện giảm nghèo bền vững; việc kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ làm công tác giảm nghèo; tổ chức thực hiện các quy định về giảm nghèo bền vững; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo từ 2011-2017 và đề ra các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang trong giai đoạn tới.[12]

Luận văn thạc sĩ chính sách công của Bùi Thế Hưng (2015) "Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng" nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn quận Lê Chân thành phố Hải Phòng; đánh giá những mặt được và chưa được và nguyên nhân; đồng thời đề ra các giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo của địa phương. [29]

Luận văn thạc sĩ Chính sách công của Phan Thị Kim Phúc (2016) "Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Tân Phú, TPHCM" nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn quận Tân phú Thành phố Hồ Chí Minh; đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác giảm nghèo; đề ra phương hướng và một số giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững ở nước ta hiện nay. [38]

2.2.2 Các công trình nghiên cứu Quản lý Nhà nước về giảm nghèo ở huyện Trảng Bàng và tỉnh Tây Ninh

Liên quan trực tiếp đến công tác Quản lý Nhà nước về giảm nghèo ở huyện Trảng Bàng có Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế của Nguyễn Thị Thủy Cúc (2019) "Quản lý Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững ở Huyện Trảng Bàng- Tỉnh Tây Ninh" Luận văn đã đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững và đề xuất các giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững ở Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.[11]

Tiếp theo đó là Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Thị Tuyết Mai (2011) " Các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo ở các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh", tác giả đã xác định rất rỏ các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo ở các xã vùng biên giới, để từ đó có những giải pháp riêng, đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội gắn với việc giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện nâng cao mức sống của người dân vùng biên giới nhằm kéo giảm khoảng cách nghèo giữa các xã biên giới và các xã nội địa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.[32]

Riêng ở xã Phước Lưu, chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề này,đặc biệt các công trình nghiên cứu về giảm nghèo đa chiều thì lại càng chưa có. Như vậy, có thể thấy ở tầm nhìn vĩ mô, các nghiên cứu nêu trên đã nêu bật được những nội dung cơ bản và đưa ra những quan điểm, đề xuất về tính kịp thời và tầm quan trọng của công tác giảm nghèo. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh hẹp của một địa phương cụ thể như đề tài này đưa ra thì vấn đề này vẫn hết sức mới mẻ trên cơ sở xem xét những đặc điểm mang tính đặc thù của địa phương và sự đa dạng của công tác giảm nghèo đa chiều ở cơ sở.

2.2.3. Các công trình nghiên cứu như: sách, tạp chí, các báo cáo liên quan đến vấn đề giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững

Lưu Thanh Hưng, Nguyễn Thị Minh Châu (2018) **"**Tình trạng nghèo đa chiều ở lao động nhập cư khu vực phi chính thức tại Thành Phố Hồ Chí Minh", Tạp chí *Khoa học xã hội,* số 8, tr 53-68. Bài viết theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều đang được áp dụng tại Thành Phố Hồ Chí Minh hiện nay, hầu hết người lao động nhập cư làm việc trong khu vực phi chính thức không nghèo đơn chiều (theo chuẩn thu nhập) nhưng lại nghèo các chiều xã hội (nghèo đa chiều), phổ biến nhất là nghèo về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở. Một trong các yếu tố có thể ảnh hưởng dai dẳng đến tình trạng nghèo của những nhóm này là do họ chưa phải là các đối tượng được quan tâm trong các chính sách an sinh xã hội của Thành Phố Hồ Chí Minh, mặc dù Thành Phố Hồ Chí Minh là một trong những thành phố đi đầu về hệ thống chính sách hỗ trợ cho người lao động di cư. [30]

Đặng Nguyên Anh (2015) "An sinh xã hội ở Việt Nam sau 30 năm đổi mới và định hướng đến 2030", Tạp chí *Xã hội học,* (Số 2), Tr. 4-12. Bài viết phân tích

thực trạng an sinh xã hội của Việt Nam sau 30 năm Đổi mới. Từ đó, đề ra định hướng an sinh xã hội đến năm 2030.[1]

Lê Thanh Ngọc (2017) Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và giải pháp giảm nghèo bền vững vươn lên làm giàu tại vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tạp chí *Ngân hàng,* (Số 11),Tr. 14-18. Bài viết nghiên cứu thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói, từ đó đề ra giải pháp cắt giảm nghèo đói bền vững ở vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long. [37]

Trần Anh Tuấn- Nguyễn Văn Xê – Lê Thanh Sang (2016) *Giảm nghèo đa chiều ở Thành Phố Hồ Chí Minh vấn đề và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.150-161. Bài viết tập trung làm rõ sự cần thiết chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đơn chiều dựa vào thu nhập sang đo lường nghèo đa chiều ở Việt Nam. Sự chuyển đổi này bắt nguồn từ thực tế là việc đo lường nghèo của nước ta đã không còn phù hợp với xu hướng thế giới. Ngoài ra bài viết còn trình bày các nội dung chính của chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đơn chiều sang đa chiều ở Việt Nam, bao gồm: Mục đích và nguyên tắc tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều, các tiêu chí trong tiếp cận đo lường nghèo đa chiều. Từ đó xác định chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo giai đoạn 2016-2020. [63]

Nguyễn Hoàng Bảo (2014) "Bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế vì người nghèo tại Việt Nam", Tạp chí *Phát triển kinh tế*, (Số 289) Tr. 2-22. Bài viết dựa trên cơ sở dữ liệu của 63 tỉnh thành tại Việt Nam để phân tích mô tả và so sánh có kết hợp sử dụng hệ phương trình đồng thời để nghiên cứu vấn đề bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế vì người nghèo tại Việt Nam. Từ đó, phát hiện ra nguyên nhân của tình trạng nghèo và tác động của tăng trưởng kinh tế địa phương đối với việc giảm nghèo, đồng thời giúp nhận diện ở đâu thì tăng trưởng giảm nghèo - tăng trưởng vì người nghèo.[4]

Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (2018), Báo cáo giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam . Từ báo cáo này, tác giả có thể hệ thống được những khái niệm, tiêu chí đo lường đánh giá giảm nghèo theo hướng đa chiều và các chính sách giảm

nghèo đa chiều ở Việt Nam giai đoạn 2016 -2020. Bên cạnh đó, không những báo cáo còn đưa ra bức tranh tổng quan về giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam, mà còn tập trung phân tích kỹ hơn về xu hướng giảm nghèo ở nhóm đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật. Báo cáo đưa ra một số đánh giá và khuyến nghị trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo không để ai bị bỏ lại phía sau "giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh để đảm bảo cuộc sống có chất lượng cho mọi người".[5]

Vũ Cao Đàm, Phạm Xuân Hằng, Trần Văn Hải và Đào Thanh Trường (2011) *Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách*, Nxb Thế Giới. Những bài viết được chọn lọc từ những bài giảng ở các lớp tập huấn về phân tích và hoạch định chính sách do Trung tâm nghiên cứu phân tích chính sách thực hiện. Nội dung chính của công trình nghiên cứu này làm rõ: đại cương về phản biện xã hội, tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu phân tích chính sách, mối quan hệ giữa cơ quan quyền lực Nhà nước và cơ quan hành chính Nhà nước trong việc hoạch định và ban hành chính sách; phân tích chính sách.[14]

Phạm Quý Thọ và Nguyễn Xuân Nhật (2014) *Giáo trình Chính sách công,* Nxb Thông tin và Truyền thông. Gồm có 08 chương, hai tác giả đã nỗ lực phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về: Chính sách công và hệ thống chính sách công; các chủ thể hoạt động chính sách công; đánh giá chính sách công; kết thúc chính sách công và chu kỳ chính sách công; công cụ chính sách công; hoạch định chính sách công; thực thi chính sách công; các tác giả cũng đã khái quát sơ lược về chính sách công cũng như một số chính sách công tại Việt Nam.[53]

Phạm Ngọc Hòa (2017) "Những thay đổi trong chính sách giảm nghèo ở Việt Nam", Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3, tr.14-18. Bài viết nói đến đói nghèo là một trong những rào cản lớn làm giảm khả năng phát triển con người, cộng đồng cũng như mỗi quốc gia. Người nghèo thường không có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội như việc làm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thông tin,v.v… và điều đó khiến cho họ ít có cơ hội thoát nghèo. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu về xóa đói, giảm nghèo, được quốc tế ghi nhận và đánh giá cao như là

điểm sáng về giảm nghèo. Từ năm 2016-2020, Việt Nam bắt đầu chuyển sang giai đoạn mới hướng tới giảm nghèo bền vững, tiếp cận đa chiều theo xu hướng chung của các nước trên thế giới. Đây là phương pháp tiếp cận mới, tiến bộ hơn, có tính nhân văn, tác động toàn diện hơn đến người nghèo, nhưng cũng là thách thức mà Việt Nam phải đối mặt. Bài viết làm rõ quan niệm của Việt Nam về giảm nghèo đa chiều, đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam hiện nay.[25]

Huỳnh Ngọc Song Minh, Tạ Thị Thanh Trà, Nguyễn Đức Lộc (2019) "Phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều ở tỉnh Bình Dương", Tạp chí *Khoa học Thủ dầu một tỉnh Bình Dương*, số 2(41), tr.14-21. Bài viết nêu lên những nổi bật mà tỉnh Bình Dương đã thực hiện công tác giảm nghèo trong thời gian qua là đã không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn thu nhập đơn chiều quốc gia. Tuy nhiên việc đánh giá đơn chiều này chưa thực sự phản ánh hoàn toàn nhu cầu của người nghèo dẫn đến khả năng giảm nghèo chưa bền vững. Bài viết này đánh giá tình trạng nghèo của tỉnh Bình Dương theo phương pháp tiếp cận đa chiều. Kết quả cho thấy mặc dù ở góc độ đa chiều, Bình Dương vẫn còn tồn tại một tỉ lệ hộ nghèo nhất định nhưng nhìn chung tỉ lệ vẫn thể hiện tính hiệu quả trong công tác giảm nghèo của tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, bài viết còn cung cấp các số liệu phân tích sâu ở mỗi chiều cạnh nhằm gợi mở hướng điều chỉnh khung nghèo mới phù hợp hơn.[34]

Như vậy, những công trình nghiên cứu được đề cập nói trên đã đi sâu và làm sáng tỏ những vấn đề về nghèo đơn chiều đến cách tiếp cận nghèo đa chiều từ đó đề ra phương hướng và giải pháp để xóa nghèo theo hướng bền vững của Việt Nam nói chung cũng như của tỉnh Tây Ninh nói riêng. Trên cơ sở tiếp tục tiếp thu có chọn lọc các nguồn tài liệu có liên quan đến đề tài, tác giả đi sâu nghiên cứu một khía cạnh cụ thể trong thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu - Huyện Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh một cách đầy đủ và chi tiết. Từ tổng quan về tình hình nghiên cứu đã cho tác giả những gợi ý cả về lý luận và thực tiễn để tác giả lựa chọn nghiên cứu trong luận văn của mình nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu của chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu trong thời gian tới.

Vì vậy, đề tài mà tác giả lựa chọn để nghiên cứu không trùng với các công trình nghiên cứu đã công bố. Song, có thể khẳng định rằng, những tài liệu, những công trình nghiên cứu đã được công bố sẽ làm cơ sở lý luận, nền tảng chung, có giá trị khoa học và thực tiễn quan trọng trong quá trình tác giả thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn thực hiện nhằm đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân. Từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu và hệ thống hoá các cơ sở lý luận, thực tiễn về chính sách công trong công tác giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu.

Phân tích một số quan niệm lý luận về các cách tiếp cận nghèo theo nghèo đa chiều.

Nghiên cứu khung lý thuyết về quy trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều. Phân tích nhận diện những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo ở Việt Nam, những kinh nghiệm các địa phương khác có thể học tập, áp dụng trong thực hiện chính sách giảm nghèo. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện các bước trong quy trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu. Khi nghiên cứu quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, luận văn tập trung đi sâu nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, hạn chế, nguyên nhân . Từ khung lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách, luận văn đề

xuất các giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu là chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu- Huyện Trảng Bàng- Tỉnh Tây Ninh.

- Về nội dung

Trên cơ sở kế thừa kết quả từ những nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước về thực hiện chính sách, tác giả nghiên cứu thực trạng công tác giảm nghèo đa chiều, làm cơ sở để đánh giá quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu.

Từ khung lý thuyết về quy trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều theo các bước trong quy trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Về không gian. Luận văn tập trung nghiên cứu hộ nghèo 5/5 ấp trên địa bàn xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh

-Về thời gian: Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2019

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận văn là Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp với các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và các chính sách công liên quan đến Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững, luận văn còn sử dụng cách tiếp cận đa ngành để đánh giá nghèo đa chiều theo hướng bền vững, cách tiếp cận chính sách công để hệ thống hóa các cơ sở lý luận về thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo tại Xã Phước Lưu.

Đồng thời, sử dụng những kiến thức chính sách công về thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều. Ngoài ra, luận văn còn khai thác, kế thừa có chọn lọc những

giá trị của các công trình nghiên cứu trước đó có liên quan đến đề tài và vận dụng phù hợp những quan điểm lý luận, chính sách giảm nghèo và thực hiện chính sách giảm nghèo của các nhà khoa học trong nước và thế giới .

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Phương pháp nghiên cứu, phân tích tài liệu

Những tài liệu tác giả luận văn quan tâm đó là: các nghiên cứu ở các cơ quan trung ương, các bộ ngành, các chương trình, dự án. Các tài liệu thống kê, báo chí của các cấp các ngành, đặc biệt là các tài liệu liên quan đến công tác giảm nghèo đa chiều của địa phương. Nghiên cứu và phân tích các văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật, tài liệu, giáo trình, sách chuyên khảo và các công trình, bài viết, các báo cáo về công tác giảm nghèo được thực hiện bởi các ngành của Huyện Trảng Bàng và báo cáo UBND xã Phước Lưu nhằm xây dựng cơ sở lý luận của đề tài. Đề tài cũng kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, bổ sung và phát triển các luận cứ khoa học và thực tiễn mới phù hợp với mục đích nghiên cứu của các công trình nghiên cứu khoa học.

5.2.2. Phương pháp thống kê mô tả

Tác giả căn cứ các thông tin, số liệu từ các nguồn của các cơ quan thống kê, các cuộc điều tra, phương pháp thống kê mô tả được tác giả sử dụng để phân tích thực trạng tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều dựa trên các số liệu thứ cấp và sơ cấp. Số liệu thứ cấp được sử dụng trong nghiên cứu được lấy từ năm 2015 - 2019, số liệu sơ cấp được lấy từ cuộc điều tra nghèo theo chuẩn đa chiều năm 2016.

5.2.3. Phương pháp quan sát có sự tham gia

Tác giả luận văn sử dụng phương pháp quan có sự tham dự đầy đủ và công khai nhằm mục đích thấy rõ diễn biến của tình trạng nghèo của người dân. Thông qua cách sống, mức sống của mọi đối tượng trong đời sống xã hội. Biểu hiện thông qua ăn, mặc, ở, lối sống, phong tục tập quán, thái độ lao động, cách tiếp cận các dịch vụ như: y tế, du lịch,…. Bên cạnh đó thấy được những hành vi của người

nghèo, việc làm của những người tham gia thực hiện các giải pháp về giảm nghèo đa chiều trên địa bàn. Tất cả những thông tin trên rất có ý nghĩa cho đề tài nghiên cứu.

5.2.4. Phương pháp phỏng vấn

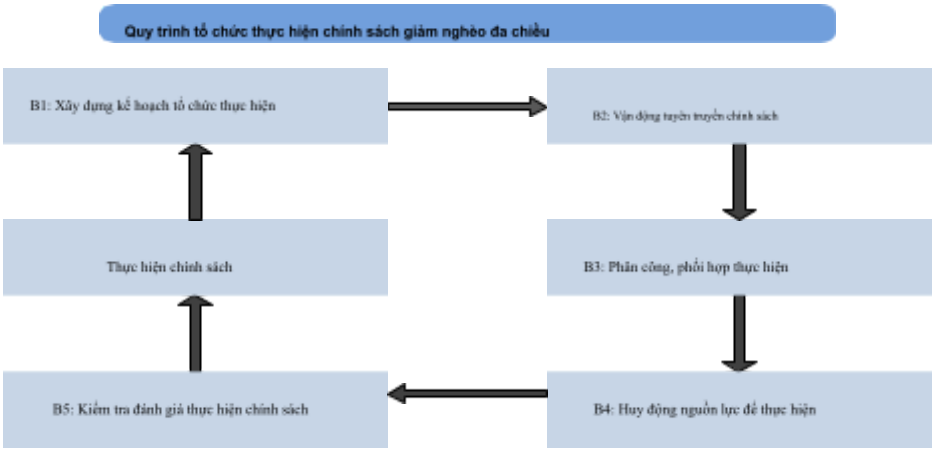
Phương pháp này giúp tác giả có được những tư liệu, số liệu, nhân chứng, vật chứng để làm căn cứ, luận chứng cho các luận điểm, làm sáng tỏ cho các kết quả được rút ra trong quá trình nghiên cứu.

Việc phỏng vấn được tiến hành với 02 đối tượng: Thứ nhất là 55 hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đây là những hộ đại diện cho những người nghèo của xã (trong đó: 20 hộ là hộ nghèo neo đơn trên 80 tuổi; 10 hộ là hộ nghèo thuộc diện được hưởng bảo trợ xã hội, gia đình chính sách; 25 hộ là những hộ cận nghèo còn trong tuổi lao động); Thứ hai là 55 cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở xã, ấp và cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý cấp xã(trong đó: 50 người là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã, ấp; 02 cán bộ công chức chuyên trách phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo; 01 cán bộ lãnh đạo là Trưởng Ban chỉ đạo phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo; 02 lãnh đạo phụ trách công tác đảng). Mục đích chính của việc phỏng vấn là thu thập thông tin sơ cấp cần thiết để phân tích, đánh giá việc thực hiện chính sách về giảm nghèo bền vững và tìm ra nguyên nhân của nó.

5.2.5. Khung lý thuyết của luận văn

Để đạt được mục đích nghiên cứu mà luận văn đã đề ra, luận văn cần xây dựng khung lý thuyết về quy trình tổ chức thực hiện chính sách GNĐC và các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều.Từ đó, phân tích đánh giá đúng thực trạng và kết quả thực hiện những chính sách giảm nghèo đa chiều.

Sơ đồ 1.1. Khung lý thuyết quy trình thực hiện chính sách GNĐC

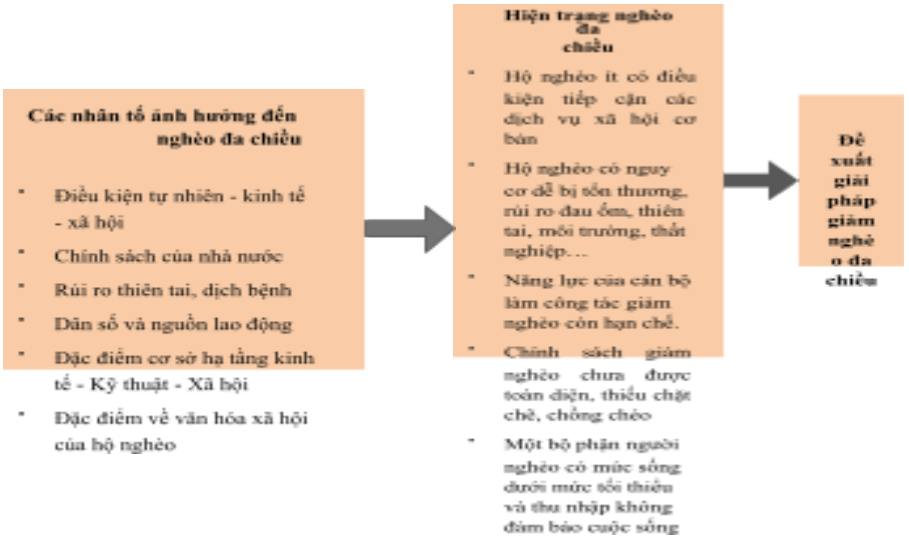


Nguồn: *Do tác giả tổng hợp*

Thời gian tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều là mang tính lâu dài nên cần một quá trình tổ chức thực hiện phải theo đúng quy trình và phù hợp với điều kiện khách quan của quá trình chính sách.

Nghèo tác động bởi rất nhiều yếu tố, các yếu tố đó ảnh hưởng tới việc giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều và quyết định đến sự thành công trong việc đánh giá đến hiện trạng nghèo đa chiều.

Sơ đồ 1.2. Khung lý thuyết về các nhân tố ảnh hưởng đến GNĐC



Nguồn: *Do tác giả tổng hợp*

Các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều cơ bản bao gồm: Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của địa phương; Chính sách của Nhà nước; Rủi ro từ thiên

tai, dịch bệnh và các rủi ro khác; Dân số và nguồn lao động; Đặc điểm cơ sở hạ tầng Kinh tế - kỹ thuật - xã hội; Đặc điểm về văn hóa - xã hội của hộ nghèo. Khi đã tìm được ra các nhân tố ảnh hưởng tới việc đánh giá thực trạng nghèo và công tác giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều ta cũng dễ dàng đưa ra được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn hệ thống hoá các khái niệm, nội hàm về thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, đồng thời làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, trong đó chỉ ra những bất cập, hạn chế cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu.

Luận văn tổng hợp chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp nhằm tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đạt được kết quả và hiệu quả. Đóng góp này nhằm giúp cho các địa phương trong huyện có những cách thức tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đạt kết quả, phù hợp với những điều kiện thực tế của địa phương mình.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đây là một công trình nghiên cứu mới về công tác tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại một địa phương. Qua phân tích, đánh giá thực trạng trong công tác tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều,

Luận văn sẽ tổng kết thực tiễn và chỉ ra những vấn đề bất cập trong công tác tổ chức thực hiện chính sách cũng như ngyên nhân của những bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, từ đó rút ra những bài học trong tổ chức thực hiện chính sách.

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần bổ sung căn cứ khoa học cho các địa phương tại Huyện Trảng Bàng trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm có 3 chương. Chương 1 trình bày cơ sở lý luận thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều. Cơ sở lý luận này nhằm thống nhất các khái niệm liên quan đến đề tài luận văn, hệ thống hóa các chính sách, giải pháp giảm nghèo đa chiều đã ban hành, tổ chức triển khai việc thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tiếp cận từ chính sách công, khung lý thuyết về quy trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách GNĐC và các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo. Việc nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận về GNĐC và thực hiện chính sách GNĐC bao gồm quy trình tổ chức thực hiện, những nhân tố ảnh hưởng đến nghèo, nguyên nhân dẫn đến nghèo, sự cần thiết phải giảm nghèo, cách tiếp cận nghèo đa chiều. Ngoài ra trong chương này còn trình bày kinh nghiệm hoạt động thực hiện các chính sách về giảm nghèo đa chiều ở một số địa phương và rút ra bài học kinh nghiệm. Chương tiếp theo phân tích thực trạng tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều. Chương này gồm 4 mục. Trong đó Mục 1 Phân tích tình hình hộ cận nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; Mục 2 Làm rõ nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo; Mục 3 Thực trạng công tác giảm nghèo đa chiều giai đoạn 2015 – 2019; Mục 4 Đánh giá kết quả giảm nghèo đa chiều, nguyên nhân, hạn chế trong việc thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều.Chương cuối bàn đến mục tiêu và giải pháp và đề xuất thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh trong thời gian tới.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU

1.1. Cơ sở lý luận về giảm nghèo đa chiều

1.1.1. Khái niệm về nghèo

Ủy ban kinh tế xã hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (ESCAP) đưa ra tại Hội nghị bàn về giảm nghèo đói (Băng cốc – Thái Lan tháng 9/1993), định nghĩa nghèo đói là: " Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu ấy phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán của từng vùng và những phong tục ấy được xã hội thừa nhận"

Theo Liên hợp quốc (UN): "Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa sự không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn" (Tuyên bố Liên hợp quốc, 6/2008, được lãnh đạo của tất cả các tổ chức UN thông qua).

Nguyễn Thị Hoa (2009) Hoàn thiện các chính sách xóa đói giảm nghèo chủ yếu của Việt Nam đến năm 2015, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân "Nghèo là khái niệm chỉ tình trạng mà thu nhập thực tế của người dân chỉ dành hầu như toàn bộ cho ăn, thậm chí không đủ chi cho ăn, phần tích luỹ hầu như không có. Các nhu cầu tối thiểu gồm: ăn, ở, mặc, y tế, giáo dục, đi lại, giao tiếp chỉ đáp ứng một phần rất ít ỏi không đáng kể" [24]

Nguyễn Thị Hoa (2010) Chính sách giảm nghèo ở Việt Nam đến năm 2015, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội. "Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có thể thỏa mãn một phần nhu cầu cơ bản của cuộc sống" .[22]

Như vậy, các khái niệm trên cho thấy sự thống nhất cao của các nhà chính trị và các học giả cho rằng, nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của địa phương.

1.1.2. Phương pháp đo lường nghèo đa chiều ở Việt Nam

Cách tiếp cận đo lường nghèo đa chiều tại Việt Nam là cách tiếp cận nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người. Con người được quyền đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cơ bản này để có thể đảm bảo một cuộc sống bình thường, nghĩa là con người có quyền được bảo đảm an sinh xã hội. Các nhu cầu cơ bản này của con người được coi là quan trọng như nhau và con người có quyền được đáp ứng tất cả các nhu cầu này để có thể đảm bảo ổn dịnh cuộc sống. " Xóa đói giảm nghèo hiện nay không chỉ là việc chú trọng giải quyết vấn đề về kinh tế như nâng cao thu nhập hay chi tiêu cho người nghèo mà còn phải hướng đến đảm bảo tốt hơn các quyền văn hóa, chính trị xã hội. Hay nói đúng hơn là phải trao cho người nghèo cơ hội thoát nghèo một cách bền vững. nghĩa là phải hướng đến xóa đói giảm nghèo theo hướng tiếp cận dựa trên quyền".[63]

Cách tiếp cận này khác với cách tiếp cận đơn chiều dựa trên thu nhập trong đó coi thu nhập bằng tiền là tiêu chí duy nhất đại diện cho nhu cầu của con người. Hiến pháp sửa đổi năm 2013, trong đó Điều 34 có quy định "Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội". [39] Nghị quyết 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020: Đưa ra mục tiêu đến năm 2020, cơ bản bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân.[3] Nghị quyết 76/2014/QH13, ngày 24/6/2014 của Quốc hội chỉ đạo định hướng "xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản". [40]

Chuẩn nghèo đa chiều sử dụng để phản ánh ngưỡng thiếu hụt về các nhu cầu cơ bản của con người Việt Nam. Chuẩn nghèo thu nhập thể hiện mức sống bằng tiền. Chuẩn nghèo đa chiều phân tích rõ ràng 3 công việc: đo lường và giám sát nghèo, xác định hộ nghèo và xác định đối tượng thụ hưởng chính sách.

Việc xác định hộ nghèo và các đối tượng an sinh xã hội khác được tiến hành bởi ngành Lao động, Thương binh và Xã hội từ nhận diện, lập danh sách phục vụ cho công tác quản lý, xác định đối tượng thụ hưởng và hoạch định chính sách cả cấp trung ương và địa phương. Việc xác định đối tượng thụ hưởng chính sách: mỗi chính sách phụ thuộc vào nội dung và nguồn lực cụ thể sẽ xác định đối tượng thụ hưởng tương ứng; các đối tượng thụ hưởng chính sách cũng không nhận được sự hỗ trợ như nhau mà tùy thuộc nhu cầu của từng đối tượng mà sẽ được phân loại hỗ trợ cho phù hợp.

Theo Đặng Nguyên Anh và Trần Nguyệt Minh Thu(3.2017) "Nghèo đa chiều: cách tiếp cận và vận dụng trong thực tiễn Việt Nam" Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội,* tr.6, bài viết cho rằng "Việc bị khước từ các nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu của con người là cơ sở để tiếp cận nghèo theo hướng đa chiều. Nghèo có nghĩa là không đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được khám chữa bệnh, không có đất đai trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận các tín dụng. Nghèo có nghĩa là không an toàn, không có quyền và bị loại trừ, dễ bị bạo hành, phải sống trong các điều kiện bị rủi ro, không tiếp cận được nước sạch và công trình vệ sinh. Nghèo còn là sự thiếu hụt năng lực tối thiểu để có thể tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Do tính đa chiều của đói nghèo nên việc sử dụng thu thập như một công cụ duy nhất đánh giá nghèo dẫn đến nhiều hạn chế. Thu nhập trung bình cao hơn ngưỡng nghèo cũng chưa có gì đảm bảo khoản tiền đó được phân bổ hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu. Thay vì đầu tư cho sinh hoạt, học hành và chăm sóc sức khỏe, kiếm tiền được có thể chi cho những việc mang tính cá nhân như rượu chè, cờ bạc. Hoặc trường hợp có đầu tư cho giáo dục, y tế song lại không thể tiếp cận được các dịch vụ này do có rào cản khác nhau. Các yếu tố như hòa nhập xã hội, an ninh con người, vị thế xã hội….sẽ khó đo được đầy đủ và chính xác nếu chỉ sử dụng thang đo thu nhập".[2]

1.1.3. Sự cần thiết giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều

Trong giai đoạn hiện nay việc sử dụng tiêu chí thu nhập của nghèo đơn chiều để đo lường nghèo đói là không còn phù hợp và cũng chưa phản ánh đúng thực trạng nghèo của hộ nghèo. Phương pháp này rất dễ để bỏ sót đối tượng hộ nghèo bởi vì có những thứ không tính được bằng tiền như tham gia xã hội, an ninh, vị thế xã hội,.. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hộ nghèo còn mang nặng tính bao cấp, thậm chí có những chính sách còn "cho không". Điều này đã vô tình tạo ra tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo của một bộ phận người dân và họ nghĩ rằng chăm lo cho hộ nghèo là trách nhiệm của Nhà nước. Trong khí đó vẫn còn có nhiều chính sách an sinh xã hội chồng chéo nhau như theo báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016) đã khẳng định: " Thời gian qua, công tác giảm nghèo thiếu tính bền vững. Chưa hình thành cơ chế đồng bộ về giảm nghèo đa chiều, đa muc tiêu. Nhiều chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo chồng chéo nhau và chồng chéo với các chính sách khác" (Đảng cộng sản Việt Nam, 2015:114). [15] Bởi vậy, mặc dù kết quả có giảm nghèo nhưng chưa thực sự bền vững. Nhiều hộ dân thoát nghèo nhưng mức thu nhập vẫn nằm sát chuẩn nghèo, do đó số lượng hộ cận nghèo vẫn rất lớn, tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn, khoảng cách chênh lệch về thu nhập và đời sống giữa nhóm hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực nông thôn và thành thị vẫn là một khoảng cách lớn.

Với mục tiêu đưa ra là nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu và nâng cao khả năng tiếp cận của người dân về các dịch vụ xã hội cơ bản, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1614/QĐ-TTg, ngày 15/9/2015 phê duyệt Đề án tổng thể "Chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020". Theo đó, chuẩn nghèo được nhìn từ nhiều góc độ khác nhau, bổ sung thêm tiêu chí khác như giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, điều kiện sống, tiếp cận thông tin. Với cách đo lường mới này thì việc xóa nghèo không chỉ là lo cho người nghèo có cái ăn, cái mặc mà còn giúp họ tiếp cận các chính sách ưu tiên chăm lo của Nhà nước, sự trợ giúp của xã hội. [55] Từ đó

giúp Nhà nước hoạch định đúng chính sách, đúng đối tượng để giảm nghèo được bền vững hơn.

1.1.4. Khái niệm nghèo đa chiều

Khái niệm nghèo đa chiều được đề cập ở Việt Nam từ năm 2013 nhằm hướng tới việc dựng lên một bức tranh đầy đủ và toàn vẹn hơn về thực trạng nghèo ở nước ta. Quan điểm về tiếp cận nghèo đa chiều được thể hiện cụ thể thông qua những văn bản, chính sách của Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo hiệu quả, bền vững hơn.

Vấn đề nghèo đa chiều có thể đo bằng tiêu chí thu nhập và các tiêu chí phi thu nhập. Sự thiếu hụt cơ hội, đi kèm với tình trạng suy dinh dưỡng, thất học, bệnh tật, bất hạnh và tuyệt vọng là những nội dung được quan tâm trong khái niệm nghèo đa chiều. Thiếu đi sự tham gia và tiếng nói về kinh tế, xã hội hay chính trị sẽ đẩy các cá nhân đến tình trạng bị loại trừ, không được thụ hưởng các lợi ích phát triển kinh tế - xã hội và do vậy bị tước đi các quyền con người cơ bản (UN, 2012: 5).

Tuy nhiên, chuẩn nghèo đa chiều có thể là một chỉ số không liên quan đến mức thu nhập mà bao gồm các khía cạnh khác liên quan đến sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (Oxfam và ActionAid, 2010: 11). Chỉ số nghèo đa chiều (Multidimensional Poverty Index) của quốc tế, với ba chiều cạnh chính là: y-tế, giáo dục và điều kiện sống, hiện là một thước đo quan trọng nhằm bổ sung cho phương pháp đo lường nghèo truyền thống dựa trên thu nhập.

Khái niệm trên cho thấy quan điểm nghèo là một hiện tượng đa chiều, cần được chú ý nhìn nhận là sự thiếu hụt hoặc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Nghèo đa chiều là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống (Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, 2015: 5).

1.1.5. Phương pháp và tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

Thu nhập bình quân đầu người là mức trả công lao động mà người lao động nhận được trong thời gian nhất định và được tính bằng Việt Nam đồng. Thu nhập bình quân đầu người phản ánh quy mô, trình độ phát triển kinh tế -xã hội và mức

sống của người dân trong một quốc gia, vì vậy đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá nghèo. Thước đo nghèo theo thu nhập và tiêu dùng xác định được ngưỡng nghèo, là ranh giới mà dưới đó các cá nhân và hộ gia đình bị coi là nghèo.

Chuẩn nghèo là thước đo (hay tiêu chí) nhằm xác định ai là người nghèo hoặc không nghèo để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước; nhằm đảm bảo sự công bằng trong thực hiện các chính sách giảm nghèo.

Theo Quyết định số 59/2015/QĐ - TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 có hiệu lực từ ngày 5/1/2016. Đây là cơ hội giúp hộ nghèo tiếp cận đầy đủ hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản. Tuy nhiên, việc chuyển đổi tiêu chí nghèo từ đơn chiều sang đa chiều đã đặt ra không ít thách thức cho địa phương nhất là đối với một xã vùng sâu và là xã nghèo trong nhiều năm qua, trong quá trình thực hiện các chính sách giảm nghèo bền vững. Theo đó, các tiêu chí tiếp cận đo lường nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 bao gồm các tiêu chí về thu nhập và tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Thực hiện điều tra các chiều thiếu hụt để tính toán hộ nghèo dựa trên 10 chỉ tiêu cơ bản như sau: 1) Trình độ giáo dục của người lớn; 2) Tình trạng đi học của trẻ em; 3) Tiếp cận các dịch vụ y tế; 4) Bảo hiểm y tế; 5) Chất lượng nhà ở; 6) Diện tích nhà ở bình quân đầu người;7) Nguồn nước sinh hoạt; 8) Hố xí/nhà tiêu; 9) Sử dụng dịch vụ viễn thông; 10) Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin [45]. Với các ngưỡng thiếu hụt tương ứng là: 1) Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp Trung học cơ sở và hiện không đi học; 2) Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5-dưới 15 tuổi) hiện không đi học; 3) Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh(ốm đau được xác định là bị bệnh/chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học không tham gia được các hoạt động bình thường);4) Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế; 5) Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ); 6) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

của hộ gia đình nhỏ hơn $8m^2$; 7)Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; 8) Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; 9)Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet; 10) Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Ti vi, radio, máy tính và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn.

Bảng 1.1. Xác định nghèo đa chiều ở Việt Nam

Chiều nghèo	Chỉ số đo lường	Mức độ thiếu hụt	Cơ sở pháp lý
1) Giáo dục	1.1 Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học	Hiến pháp 2013 NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020. Nghị quyết số 41/2000/QH (bổ sung bởi Nghị định số 88/2001/NĐ-CP)
	1.2 Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - 14 tuổi) hiện không đi học	Hiến pháp 2013. Luật Giáo dục 2005. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
2) Y tế	2.1 Tiếp cận các dịch vụ y tế	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau được xác định là bị bệnh/ chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có	Hiến pháp 2013. Luật Khám chữa bệnh 2011.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

		người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học không tham gia được các hoạt động bình thường)	
	2.2 Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế	Hiến pháp 2013. Luật bảo hiểm y tế 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
3) Nhà ở	3.1. Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ (Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ)	Luật Nhà ở 2014. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	3.2 Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m^2	Luật Nhà ở 2014. Quyết định 2127/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
4) Điều kiện sống	4.1 Nguồn nước sinh hoạt	Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	4.2. Hố	Hộ gia đình không sử dụng	NQ 15/NQ-TW Một số vấn

	xí/nhà vệ sinh	hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
5) Tiếp cận thông tin	5.1 Sử dụng dịch vụ viễn thông	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet	Luật Viễn thông 2009. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.
	5.2 Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Tivi, đài, máy vi tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn	Luật Thông tin Truyền thông 2015. NQ 15/NQ-TW Một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

Nguồn: *Đề án nghèo đa chiều 2016 - 2020 của Bộ LĐTB – XH, 2015:52*

Chuẩn hộ nghèo, hộ có mức sống trung bình áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 ở khu vực nông thôn phải là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống; Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.Ở Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống; Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Hộ cận nghèo đối với khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Hộ có mức sống trung bình đối với khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng. Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.950.000 đồng.[47]

Mức chuẩn nghèo là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội; hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác trong giai đoạn 2016-2020. Việc chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo theo cách tiếp cận đa chiều sẽ tạo điều kiện để nhận dạng đối tượng nghèo chính xác, cụ thể hơn, tăng cường tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân để có giải pháp hỗ trợ phù hợp hơn với nhu cầu và đặc tính của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Việc chuyển đổi đánh giá nghèo từ đơn chiều sang đa chiều nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu. Đồng thời, đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, từng bước giảm nghèo bền vững.

1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đa chiều

1.2.1. Điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của địa phương

Đối với các vùng thuộc địa hình hiểm trở, vùng đồi núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, hải đảo,…. dân cư đi lại khó khăn, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, không thuận lợi, đầu tư cơ sở hạ tầng hạn chế, điều này ảnh hưởng rất lớn trong quá trình thực hiện các chính sách xã hội, đặc biệt là những chính sách liên quan đến người nghèo và các tín dụng dành cho hộ nghèo. Những bất lợi về địa lý (xa xôi, hẻo lánh, hiểm trở...), thiếu hụt các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng (đường giao thông, điện, y tế, trường học, nước sạch...) cản trở người dân đặc biệt là hộ nghèo về mặt tiếp cận thông tin, trao đổi sản phẩm, không có điều kiện để trau dồi kiến thức, nâng cao năng lực sản xuất và nhận thức về tự bảo vệ cuộc sống của bản thân (như chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường), người dân ít có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội từ đó không được hưởng thụ các phúc lợi xã hội do Nhà nước và các tổ chức thiện nguyện, trẻ em ở đây không có điều kiện đến trường học, không có các khu vui chơi dành cho trẻ em; người lớn không có điều kiện thường xuyên khám,

chữa bệnh, kể cả việc chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với phụ nữ. Do nhà ở cách xa trường học, bệnh viện. Do đó, điều kiện tự nhiên, địa hình, địa lý tác động đến nghèo đa chiều ở cả 3 phương diện chất lượng cuộc sống, y tế và giáo dục.

1.2.2. Các chính sách của Nhà nước

Chính sách trực tiếp liên quan đến các hộ nghèo như: dạy nghề, giới thệu việc làm, khuyến nông, khuyến ngư và hỗ trợ hội thảo chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, chính sách vay vốn hỗ trợ ổn định sản xuất….Việc thực hiện những chính sách này có ảnh hưởng tích cực trực tiếp đối với người nghèo nhằm cung cấp cho họ công cụ, trang bị được cho người nghèo khả năng tự thoát nghèo, khả năng tự vệ trước những tình huống khó khăn bất ngờ xảy ra. Tuy nhiên, việc triển khai tổ chức thực hiện chính sách rời rạc, không đầy đủ và đồng bộ, các chính sách còn chồng chéo, thiếu tính công khai, minh bạch và không điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng nhóm người nghèo, xác định đối tượng thụ hưởng không đúng, không phù hợp với điều kiện thực tế của hộ nghèo… thì hiệu quả thực hiện cũng sẽ không cao, không giải quyết được những vấn đề căn bản của nghèo đói mà có khi người nghèo lợi dụng những chính sách Nhà nước.

Các chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội như hoạt động truyền thông giảm nghèo, chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ về y tế, dịch vụ về giáo dục, điều kiện sống, chính sách hỗ trợ người nghèo về nhà ở, dạy nghề, hoạt động tín dụng, chính sách an sinh xã hội, trợ giúp người có công, gia đình chính sách là hộ nghèo và các đối tượng người yếu thế, trợ giúp pháp lý cho người nghèo được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, y tế và giáo dục cho người nghèo. Trang bị và củng cố kiến thức xã hội cho người nghèo, tăng cường sức khỏe, nâng cao trình độ học thức, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết được quyền, nghĩa vụ của mình, từ đó họ có thể chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Đảm bảo việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho khu vực sản xuất nông nghiệp như chính sách giảm lãi suất tín dụng, trợ cước, trợ giá, bao tiêu đầu ra các sản phẩm nông nghiệp trong nước... nhằm hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện về vốn, ưu thế về giá thành và thị trường cho sản phẩm nông nghiệp được sản xuất ra, từ đó nâng cao tỷ suất lợi nhuận cho nông dân, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình.

1.2.3. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác

Nguồn thu nhập thấp, bấp bênh nên khả năng tích lũy không nhiều, thậm chí không đủ để chi tiêu hằng ngày vì thế họ khó có khả năng chống chọi với các biến cố như bệnh đau, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, mất mùa... khi dấu hiệu của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt (thời tiết nóng, lạnh, khắc nghiệt) ảnh hưởng đến gia súc, cây trồng, dịch bệnh… . dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân nhất là ảnh hưởng đến kinh tế của hộ nghèo.

1.2.4. Dân số và nguồn lao động

Bên cạnh một nền kinh tế thị trường phát triển mạnh thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ dân cư vẫn sống trong cảnh nghèo khổ, sống trọ hoặc thậm chí sống trong khu ổ chuột, khu lán trại tạm bợ dưới gầm cầu, bên bờ sông hoặc sống lang thang vô gia cư... nhà ở không kiên cố, điều kiện sinh hoạt, ăn uống thiếu thốn, chật chội, không được tiếp cận với nguồn nước sạch. Người lao động không có việc làm ổn định, dễ rơi vào tình trạng thất nghiệp, vướn vào các tệ nạn xã hội, không được hưởng quyền lợi lao động chính đáng như tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội nên gánh nặng chi trả cho dịch vụ chữa bệnh cao mà bản thân họ không có đủ điều kiện để chi trả. Đã vậy tỷ lệ người mắc bệnh ở những đối tượng lao động phổ thông và lao động trình độ thấp lại khá cao.

Lạm phát cao đã tác động trực tiếp đến người nghèo và bất bình đẳng tại các vùng nông thôn. Sự mất ổn định kinh tế vĩ mô này gây ảnh hưởng sâu rộng không chỉ cho nền kinh tế nói chung mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống người lao động, đặc biệt các hộ gia đình có thu nhập thấp như hộ nghèo: giá cả hàng hóa tăng mạnh, mất việc, thất nghiệp, giảm thu nhập, kinh doanh thua lỗ... Lạm phát cao, sức

mua của đồng tiền giảm, người nghèo và người có thu nhập thấp dành phần lớn nguồn thu nhập cho lương thực thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu như điện, nước, ga nên gặp khó khăn lớn trong sinh hoạt, không có phần thu nhập riêng dành cho tiết kiệm. Điều này làm tăng tính dễ bị tổn thương, đặc biệt khi phải đối mặt với những nguy cơ đau ốm, bệnh tật mà không có điều kiện chi trả.

1.2.5. Đặc điểm cơ sở hạ tầng kinh tế - kỷ thuật – xã hội

Chính sách về thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng: Sự phát triển cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm) là một trong những điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa, đưa các dịch vụ xã hội cơ bản về các vùng sâu, biên giới, hẻo lánh, giảm thiểu tình trạng nghèo đa chiều cho người dân. Cơ sở hạ tầng phát triển cũng tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế cho địa phương, từ đó mà người dân có cơ hội giao lưu buôn bán, phát triển kinh tế hộ, cải thiện đời sống vật chất, tình trạng nghèo đa chiều phương diện chất lượng cuộc sống cũng được hạn chế, giảm thiểu.

1.2.6. Đặc điểm về văn hóa - xã hội của hộ nghèo

Sự thiếu thốn vật chất còn có thể được thể hiện qua những nét đặc trưng của những khu vực mà người nghèo thường sinh sống như ở ấp Phước Giang, là nơi thường thiếu điện, nước sạch hay nhà vệ sinh, trường học, trạm y tê và các dịch vụ khác. Tại khu vực này, ngay cả một hộ gia đình có điều kiện kinh tế chi trả cho những dịch vụ kể trên cũng có thể gặp khó khăn về nguồn cung. Nói một cách khác, đặc điểm xã hội của hộ nghèo cũng là nhân tố dẫn đến sự thiếu thốn vật chất.

Vấn đề mà đáng quan tâm nhất là tư tưởng của những người nông dân ở vùng sâu này rất hạn chế và đặc biệt là những suy nghĩ của họ khiến họ rất khó có thể thay đổi cuộc sống của mình. Giống như là một thói quen cứ lặp đi lặp lại và không ít những người nơi này họ rất bằng lòng với cuộc sống của họ, sống an nhàn hoặc trông chờ vào sự giúp đỡ của cộng đồng , ỷ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và có những suy nghĩ tiêu cực về xã hội. Từ những suy nghĩ đó họ có thể không đầu tư giáo dục cho con cái học, đồng thời cũng không có động lực để tự vươn lên thoát nghèo.

1.3. Cơ sở lý luận chính sách công và thực hiện chính sách công

1.3.1. Khái niệm chính sách

Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995) "Chính sách là những chuẩn tắc cụ thể thực hiện đường lối, nhiệm vụ. Chính sách được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Bản chất, nội dung và phương hướng của chính sách tùy thuộc vào tính chất của đường lối, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa…." [26, tr. 475].

Trong cuốn "Kỹ năng phân tích và Hoạch định chính sách", của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội, nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, tác giả Vũ Cao Đàm đã đưa ra khái niệm "chính sách là một tập hợp biện pháp được thể chế hóa, mà một chủ thể quyền lực, hoặc chủ thể quản lý đưa ra, trong đó tạo sự ưu đãi cho một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội". [13, tr.11]

Tuy có nhiều cách lập luận khác nhau, nhưng về bản chất thì tất cả đều hàm chứa nét chung: Nhà nước là chủ thể ban hành chính sách, chính sách gồm nhiều quyết định có liên quan, nhằm hướng vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong đời sống theo những mục tiêu xác định để phục vụ lợi ích chung của cộng đồng, quốc gia – dân tộc. Trên cơ sở đó, có thể đưa ra khái niệm về chính sách như sau:

Chính sách là những hành động, hành vi ứng xử của chủ thể quyền lực đối với các hiện tượng đang tồn tại trong quá trình vận động phát triển để hướng tới mục đích nhất định cho một hệ thống hoặc tổ chức của chủ thể quyền lực

1.3.2. Khái niệm chính sách công

Trong cuốn "Chính sách công" (sách chuyên khảo) của hai tác giả Phạm Quý Thọ và Nguyễn Xuân Nhật, nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Hội năm 2014, các tác giả đưa ra khái niệm chính sách công như sau: "Chính sách công là những định hướng mục tiêu và biện pháp hành động, được Nhà nước lựa chọn và ban hành như một công cụ quản lý của Nhà nước, nhằm giải quyết các vấn đề công cộng được lựa chọn, và được thực thi bởi các chủ thể có thẩm quyền" [43, tr.29].

Trong nghiên cứu này, tôi sử dụng khái niệm về chính sách công của Đỗ Phú

Hải (2012) như sau:"Chính sách công là một tập hợp các quyết định chính trị có liên quan của Đảng và Nhà nước nhằm "lựa chọn" mục tiêu và giải pháp, công cụ chính sách nhằm giải quyết các vấn đề xã hội theo mục tiêu tổng thể đã xác định". [19]

1.3.3. Khái niệm thực hiện chính sách công

Thực hiện chính sách công là quá trình đưa chính sách công vào thực tiển đời sống xã hội thông qua việc ban hành các quy định, thủ tục, chương trình hoặc dự án và thực hiện chúng nhằm thực hiện hóa muc tiêu chính sách công [20], cụ thể hơn thực hiện chính sách công được hiểu là giai đoạn biến các ý đồ chính sách thành những kết quả thực tế thông qua hoạt động có tổ chức của các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm đạt tới mục tiêu đề ra [36].

1.3.4. Thực hiện chính sách trong chu trình chính sách công

Thực hiện chính sách là một khâu cấu thành chu trình chính sách, là toàn bộ quá trình chuyển hóa ý chí của chủ thể chính sách thành hiện thực với các đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu nhất định. Tổ chức thực thi chính sách là trung tâm kết nối các khâu (các bước) trong chu trình chính sách thành một hệ thống. Hoạch định được chính sách đúng, có chất lượng là rất quan trọng, nhưng thực hiện đúng chính sách còn quan trọng hơn. Có chính sách đúng nếu không được thực hiện sẽ trở thành khẩu hiệu suông, không những không có ý nghĩa, mà còn ảnh hưởng đến uy tín của chủ thể hoạch định và ban hành chính sách. Nếu chính sách không được thực hiện đúng sẽ dẫn đến sự thiếu tin tưởng và sự phản ứng của nhân dân đối với nhà nước. Điều này hoàn toàn bất lợi về mặt chính trị và xã hội, gây những khó khăn, bất ổn cho Nhà nước trong công tác quản lý. Qua thực hiện mới biết được chính sách có đúng, phù hợp và đi vào cuộc sống hay không. Quá trình thực hiện với những hoạt động thực tiễn sẽ góp phần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chính sách cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống. Đồng thời, việc phân tích, đánh giá một chính sách (mức độ tốt, xấu) chỉ có cơ sở đầy đủ, sức thuyết phục sau khi được thực hiện. Thực tiễn là chân lý, kết quả thực hiện chính sách là thước đo, là cơ sở đánh giá một cách chính xác, khách quan chất lượng và hiệu quả của

chính sách. Việc đưa chính sách vào thực tiễn cuộc sống là một quá trình phức tạp đầy biến động, chịu sự tác động của nhiều yếu tố giúp các nhà hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách có kinh nghiệm để đề ra được các giải pháp hữu hiệu trong thực hiện chính sách. (Văn Tất Thu (2014) "Năng lực thực hiện chính sách công - những vấn đề lý luận và thực tiễn", Tạp chí *tổ chức Nhà nước*, số 12). [44]

1.4. Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều

Nghèo đa chiều là cách tiếp cận mới theo Quyết định số 59/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 19/11/2015 nhằm hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập nhưng lại nghèo về các chiều cạnh khác. Thay vì xem xét nghèo thu nhập, những ai không được khám chữa bệnh, không được đến trường, không được tiếp cận thông tin cũng được xác định là nghèo. Cái nghèo gắn liền với sự thiếu thốn thu nhập/chi tiêu mà còn là việc không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản khác.

Với mục đích tác động toàn diện hơn, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận được chính sách của Nhà nước tốt hơn, việc chuyển đổi đánh giá nghèo từ đơn chiều sang đa chiều nhằm hạn chế việc bỏ sót những đối tượng tuy không nghèo về thu nhập, nhưng lại nghèo về các chiều khác. Đây là phương pháp khắc phục những bất cập và hạn chế của chính sách trong thời gian qua. Phương pháp này giúp bảo đảm mức sống tối thiểu, đồng thời đáp ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, từng bước giảm nghèo bền vững.

Như vậy, có thể thấy thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều là một trong những vấn đề xã hội được đặt vào vị trí ưu tiên cần được giải quyết trong phát triển xã hội và là một trong những chính sách quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội của nước ta. Để thực hiện mục tiêu này thì chính sách giảm nghèo đa chiều giữ một vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống chính sách xã hội. Muốn nâng cao phúc lợi cho người dân, để người dân có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội tốt hơn, trước hết người dân phải thoát khỏi đói nghèo; chính sách giảm nghèo sẽ tạo cơ hội tối thiểu nhất cho bộ phận người dân yếu thế thoát khỏi vòng lẫn quẫn của nghèo đói, có được cơ hội về thu nhập, cơ hội tiêu dùng với tư cách như là con người sống

trong xã hội. Thực hiện một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều được thông qua các công cụ sau:

- Hỗ trợ người nghèo được hưởng thụ văn hóa, thông tin, vui chơi, giải trí Tổ chức thực hiện tốt chương trình đưa văn hóa, thông tin về cơ sở tạo điều

kiện cho người nghèo được vui chơi, giải trí nhất là trẻ em nghèo; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, giúp người nghèo tiếp cận các chính sách giảm nghèo, phổ biến các mô hình giảm nghèo có hiệu quả, gương thoát nghèo.

- Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý

Thực hiện quyết định số: 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ Tướng Chính Phủ về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 – 2020. Theo đó tại điều 1, điều 2 Quyết định này quy định về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 - 2020 [46] ; Theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 đối tượng thụ hưởng chính sách là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật, địa bàn áp dụng chính sách là các xã nghèo không thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững. [9]Từ đó việc xây dựng chương trình thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết quyền, nghĩa vụ của mình, chủ động tiếp cận các chính sách trợ giúp của Nhà nước, vươn lên thoát nghèo.

- Hỗ trợ về giáo dục và đào tạo

Trình độ học vấn thấp khiến người nghèo khó tiếp cận với pháp luật, chưa được bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp. Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, ngày 01/12/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021[8]. Do đó

để thực hiện có hiệu quả chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học bổng, trợ cấp xã

hội và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh nghèo ở các cấp học, nhất là bậc mầm non là vấn đề cần phải làm.

Áp dụng Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 31/5/2018 của Thủ Tướng Chính Phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt trong lĩnh vực giáo dục như sau:

Đối với thành viên hộ nghèo đa chiều thiếu hụt ít nhất 01 chỉ số về giáo dục (trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em) được thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo như đối với thành viên hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập.

Đối với thành viên hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản khác được thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo như đối với thành viên hộ cận nghèo.[48]

- Hỗ trợ vay vốn sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

Quyết định số:1956/2009/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 Quyết định của thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trong Quyết định này được quy định cụ thể như: tại điểm b khoản 2 điều 1 mục I quy định mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn đào tạo nghề cho hộ nghèo; tại khoản 1 điều 1 mục II và khoản 1 điều 1 mục III quy định đối tượng, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề là hộ nghèo. [57]

Quyết định số:15/2013/QĐ-TTg, ngày 23/2/2013 của Thủ Tướng Chính Phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo. Theo đó tại khoản 1,điều 1 quy định Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay hộ cận nghèo đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, nhằm góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững [50] và quyết định số:750/2015/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ Tướng Chính Phủ về điều chỉnh giãm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Theo đó tại khoản 1, điều 1 quy định lãi suất cho vay hộ nghèo, cho vay học sinh, sinh viên, cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, cho vay vốn quỹ Quốc gia về việc làm là 6,6%/năm (0,55%/tháng). Quy định này thay thế cho quy định tại Quyết định

số 872/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội.[54]

Các chính sách trên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận các nguồn vốn, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; dạy nghề lao động nông thôn, thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, nhất là hộ nghèo có người khuyết tật, hộ nghèo đơn chiếc, chủ hộ là phụ nữ có điều kiện vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Hỗ trợ về nhà ở

Chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo được áp dụng Quyết dịnh số: 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ Chính Phủ ngày 22/12/2008 về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2011 – 2015[51] (chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTG giai đoạn 2). Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo khu vực nông thôn, miền núi để cải thiện nhà ở, ưu tiên hộ nghèo ở người cao tuổi, người khuyết tật đảm bảo hộ nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững. [53]

- Hỗ trợ về y tế và dinh dưỡng

Trang bị và củng cố kiến thức xã hội cho người nghèo, tăng cường sức khỏe, nâng cao trình độ học thức, tạo điều kiện cho người nghèo hiểu biết vấn đề về y tế để người nghèo chủ động tiếp cận dịch vụ y tế tốt hơn.

Thực hiện có hiệu quả chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ cận nghèo; xây dựng chính sách hỗ trợ người nghèo mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo. Ưu đãi đầu tư trước để đạt chuẩn cơ sở bệnh viện, trạm y tế ở các huyện, xã nghèo.

Theo Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2017 đối với lĩnh vực y tế thì ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo đa chiều thiếu hụt về tiêu chí

bảo hiểm y tế; hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản khác (không bị thiếu hụt bảo hiểm y tế). [10]

- Chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt

Đối với hộ nghèo đa chiều thiếu hụt chỉ số về nguồn nước sinh hoạt thì được hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.[58]

- Chính sách hỗ trợ giảm nghèo khác

Các chính sách hiện hành khác có quy định hỗ trợ đối với hộ cận nghèo thì hộ nghèo thiếu hụt đa chiều được hưởng chính sách hỗ trợ như đối với hộ cận nghèo.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ pháp lý và các chính sách khác đối với hộ nghèo là dân tộc thiểu số, vùng miền núi, huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Đối với chính sách hỗ trợ về phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 thì thực hiện theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. [56]

1.5. Quy trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều

Thời gian để tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều là mang tính lâu dài vì thế để chính sách giảm nghèo đa chiều mang lại kết quả cao. Đòi hỏi cả một quá trình tổ chức thực hiện cần phải theo đúng quy trình và phù hợp với những điều kiện khách quan của quá trình chính sách. Vì vậy, quá trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều cần phải được thực hiện theo quy trình sau:

1.5.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách

Nhằm đảm bảo cho chính sách giảm nghèo đa chiều được triển khai có hiệu quả, thuận tiện đi vào đời sống xã hội mà nhất là đối với người nghèo, thì đòi hỏi chính sách giảm nghèo cần phải được cụ thể hóa bằng những kế hoạch, chương trình, hành động cụ thể , rõ ràng, mimh bạch và công khai. Từ đó kết quả triển khai thực hiện mới đạt kết quả cao.

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách nên căn cứ vào chức năng , nhiệm vụ của mình, cần phải xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách triển khai từ trung ương đến địa phương. Trong đó, kế hoạch triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều bao gồm những nội dung cơ bản như : kế hoạch về tổ chức, kế hoạch thời gian triển khai thực hiện; kế hoạch tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách, kế hoạch kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều.

Kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều ở cấp nào sẽ do chính cơ quan chủ trì của cấp đó xây dựng nên và tiến hành triển khai thực hiện chính sách một cách nghiêm chỉnh.

1.5.2. Phổ biến tuyên truyền về chính sách

Xác định việc đầu tiên cần làm trong quy trình này là tuyên truyền vận động nhân dân tham gia thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều theo kế hoạch đã được phê duyệt. Đây là một khâu khá quan trọng, có ý nghĩa lớn với cơ quan Nhà nước và các đối tượng thực hiện chính sách. Phổ biến, tuyên truyền vận động về chính sách tốt giúp cho các đối tượng chính sách và mọi người dân hiểu rõ về mục đích, yêu cầu của chính sách; về tính đúng đắn của chính sách và tính khả thi mà chính sách đem đến cho hộ nghèo. Từ đó hộ nghèo tự giác thực hiện chính sách và tự ý thức việc cần phải thoát nghèo.

Công tác phổ biến, tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều cần phải được tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức như trực tiếp tiếp xúc, trao đổi với các đối tượng là người nghèo, hộ nghèo hoặc gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng v.v. Tuỳ theo điều kiện cụ thể mà có thể lựa chọn hình thức tuyên truyền, vận động cho phù hợp với địa phương. Bên cạnh đó, phổ biến, tuyên truyền chính sách còn giúp cho mỗi cán

bộ, công chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận thức được đầy đủ tính chất, quy mô của chính sách cũng như vai trò của chính sách giảm nghèo đa chiều đối với đời sống xã hội để mỗi cán bộ, công chức có thể chủ động tích cực tìm kiếm các giải pháp thích hợp cho việc thực hiện mục tiêu chính sách và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách được giao.

1.5.3. Huy động nguồn lực để thực hiện chính sách

Nguồn nhân lực: Trong số các nguồn lực thì nguồn nhân lực được xem là một trong những nguồn lực quan trọng nhất. Bởi vì, nguồn nhân lực là nguồn lực chính có thể khai thác sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác.

Nguồn nhân lực dồi dào nhất để thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều chính là tất cả các cán bộ, công chức, người trực tiếp thực hiện công tác chuyên môn, các đối tượng của chính sách và các cá nhân khác trong xã hội tham gia vào quá trình triển khai thực hiện chính sách để đưa chính sách vào thực tiễn.

Tuy nhiên, để triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều một cách đúng đắn và hiệu quả, điều tất yếu là cần đến một đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, đủ trình độ chuyên môn và sự nhiệt huyết với nhiệm vụ. Đảm bảo phải có sự phân công nhiệm vụ từng cán bộ phụ trách thật chặt chẽ để công tác triển khai chính sách đúng quy trình.

Nguồn lực về tài nguyên: Tài nguyên thiên nhiên là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản… là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo bền vững. Việc quản lý, phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên này sẽ tạo ra động lực cho quá trình phát triển KT-XH.

Nguồn tài chính: Nguồn tài chính để phục vụ cho quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều được huy động từ các nguồn sau: nguồn từ ngân sách Nhà nước; nguồn vốn viện trợ (ODA); nguồn vốn hỗ trợ từ các doanh nghiệp; nguồn vốn huy động từ nhân dân.

1.5.4. Phân công,phối hợp thực hiện chính sách

Muốn tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều có hiệu quả cần phải tiến hành phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý ngành, các cấp chính

quyền địa phương, các yếu tố tham gia thực hiện chính sách. Trong thực tế thường hay phân công cơ quan chủ trì và các cơ chế phối hợp thực hiện một cách cụ thể. Hoạt động phân công, phối hợp diễn ra theo tiến trình thực hiện chính sách một cách chủ động, sáng tạo để luôn duy trì chính sách được ổn định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính sách giảm nghèo đa chiều.

1.5.5. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chính sách

Quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều được thực hiện trong thời gian dài, trên địa bàn rộng và do nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia. Các điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường ở các địa phương cũng không giống nhau, cũng như trình độ, năng lực tổ chức điều hành của cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước không đồng đều, vì vậy các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải tiến hành theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách. Qua kiểm tra, đôn đốc thường xuyên sẽ giúp cho Nhà nước nắm bắt được tình hình thực hiện chính sách, từ đó đánh giá được một cách khách quan về những điểm mạnh, điểm yếu của công tác tổ chức thực hiện chính sách; giúp phát hiện những thiếu sót trong công tác lập kế hoạch tổ chức thực hiện để điều chỉnh; tạo điều kiện phối hợp nhịp nhàng các hoạt động giữa các cơ quan, đối tượng thực hiện chính sách; tạo ra sự tập trung thống nhất trong việc thực hiện mục tiêu chính sách; kịp thời khuyến khích những mô hình giảm nghèo phù hợp, mang lại kết quả để tạo ra những phong trào thiết thực cho việc thực hiện mục tiêu của chính sách giảm nghèo đa chiều.

Đảm bảo tính khách quan và chính xác về kết quả kiểm tra đánh giá, quá trình này còn cần có sự tham gia của các tổ chức đoàn thể nhân dân, thậm chí là của chính đối tượng chính sách. Có như vậy mới bảo đảm được tính dân chủ trong quá trình thực hiện chính sách.

Từ quy trình tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều nêu trên, các cơ quan Nhà nước đặc biệt là chính quyền các cấp ở địa phương tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo trình tự các bước trong quy trình. Để đánh giá kết quả và hiệu quả của chính sách, các cơ quan đánh giá chính sách cũng dựa trên quy trình

trên để tiến hành đánh giá chính sách của mình. Khi nghiên cứu về thực trạng tổ chức triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều ở Xã Phước Lưu, luận văn cũng dựa trên quy trình này để từ đó đi đến những kết luận về thực trạng thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều ở Xã Phước Lưu, giai đoạn : 2015 – 2019.

1.6. Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở một số địa phương và bài học rút ra cho Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh

1.6.1. Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở một xã biên giới giáp Campuchia (Xã Bình Thạnh – Huyện Trãng Bàng – Tỉnh Tây Ninh)

Là xã biên giới, nằm ở cánh Tây sông Vàm Cỏ Đông, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Dân số của xã hơn 11.000 người, với gần 2.900 hộ, phân bố trên địa bàn 5 ấp. Khoảng 70% hộ dân làm nông nghiệp, còn lại làm kinh doanh, dịch vụ và thương mại. Trong nhiều năm qua được sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng, Chính quyền trong công tác giảm nghèo giai đoạn 2017-2019. Từ đó hộ nghèo trên địa bàn xã có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1% (theo tiêu chí nông thôn mới). Cuối năm 2019 xã Bình Thạnh được công nhận là xã nông thôn mới. Với sự chung tay của chính quyền địa phương phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội của xã tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên bằng các chương trình 135 của Chính phủ, đề án 01 của Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Tây Ninh về dự án hỗ trợ trâu, bò sinh sản, chương trình cho vay hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo, chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ….. Cụ thể như: vận động Quỹ "Vì người nghèo" và Chương trình an sinh phúc lợi xã hội, hàng năm và vào tháng cao điểm "Vì người nghèo", Ủy ban MTTQ Việt Nam xã phối hợp với các tổ chức thành viên xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện với nhiều hình thức phong phú như vận động tiền mặt, hiện vật,…Kết quả 3 năm qua, đã vận động quỹ "vì người nghèo" tổng trị giá 2 tỷ 125 triệu đồng, đạt 430% chỉ tiêu nhiệm kỳ. Xây dựng và sữa chữa nhà đại đoàn kết 52 căn, trị giá 1,9 tỷ đồng đạt 520% chỉ tiêu nhiệm kỳ; phối hợp trao tặng 6.672 phần quà trị giá 2.218.500.000đ, khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho 3.620 suất, trị giá 550 triệu đồng; trao 36 con bò sinh sản theo chương trình 135, đề án 01 MTTQ Tỉnh, trị giá

720 triệu đồng; Ngân hàng chính sách xã hội huyện giải ngân 4.7 tỷ đồng cho 35 hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo.....Từ đó hộ nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo. Kết quả sau điều tra, khảo sát hộ nghèo đa chiều qua các năm như sau: năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo: 1,08%, hô cận nghèo: 1,81 %; năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo: 0,84%, hô cận nghèo: 1,75 %; năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo: 0,51%, hô cận nghèo: 1,13 %

+ Tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 so năm 2016 giảm: 0,57%, cụ thể hàng năm giảm hộ nghèo như sau: năm 2018 giảm 0,24%; năm 2019 giảm 0,33%.

+ Tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2019 so năm 2016 giảm: 0,68%, cụ thể hàng năm giảm hộ nghèo như sau: năm 2018 giảm 0,06%; năm 2019 giảm 0,62%.[68]

Để đạt được những kết quả trên Xã Bình Thạnh đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo chặt chẽ, thống nhất của cấp ủy, chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội của xã; thành lập Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm phân công từng thành viên đi xuống từng địa bàn ấp để điều tra, rà soát, khảo sất nắm bắt tình hình nghèo và những nhu cầu thiết yếu của người dân.
- Việc sử dụng các nguồn vốn tín dụng, chương trình 135 của Chính Phủ, đề án 01 Mặt Trận tỉnh Tây Ninh.... đúng mục đích, đúng nhu cầu từng hộ nghèo nên nguồn kinh phí cho các dự án phát huy hiệu quả kịp thời.
- Địa phương thường xuyên mỡ lớp dạy nghề ngắn hạn, các lớp tập huấn khuyến nông, hội thảo nông nghiệp.... nhằm nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức về nông nghiệp, chăn nuôi cho hộ nghèo.
- Khuyến khích, vận động nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo giúp đỡ lẫn nhau thông qua việc đưa họ vào các chi, tổ , hội của các tổ chức chính trị - xã hội để hộ nghèo có điều kiện thường xuyên gặp gỡ nhau trong các cuộc họp tổ, ấp, câu lạc bộ để học hỏi kinh nghiệm cùng nhau vươn lên thoát nghèo bền vững.

1.6.2. Kinh nghiệm giảm nghèo đa chiều ở Thành Phố Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh

Thành phố Tây Ninh có 14.000,81 ha diện tích tự nhiên, 153.537 nhân khẩu,

10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 7 phường: 1, 2, 3, 4, Hiệp Ninh, Ninh Sơn, Ninh Thạnh và 3 xã Bình Minh, Tân Bình, Thạnh Tân. Là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, hành chính của tỉnh Tây Ninh, cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 100 km về phía Tây Bắc, có vị trí chiến lược quan trọng, là nơi giao nhau giữa các quốc lộ 22B, đường đi đến cửa khẩu Mộc Bài và Xa Mát. Với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội như vậy nên Thành phố Tây ninh đã tập trung đi đầu trong công tác phát triển kinh tế - xã hội, trong đó thực hiện công tác an sinh xã hội, chăm lo cho hộ nghèo nhằm giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1% là vấn đề được Thành Phố quan tâm nhất, cho đến cuối năm 2015, Thành phố có 312 hộ nghèo/36.327 hộ, chiếm 0,82%; 324 hộ cận nghèo, chiếm 0,83%. Tính gộp tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố Tây Ninh đầu giai đoạn 2016 - 2020 là 1,65%. [64] Nhờ tổ chức triển khai thực hiện tốt chính sách giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững, tình trạng hộ nghèo đã có những chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện việc phát triển kinh tế - xã hội, cũng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững quốc phòng an ninh ở Thành phố. Tính đến cuối tháng 10.2017, số hộ thoát nghèo là 123 hộ, vượt so với chỉ tiêu kế hoạch.

Để có được những kết quả về thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều ở Thành Phố Tây ninh trong những năm vừa qua là do Thành Phố Tây ninh đã chủ động tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều dựa trên những biện pháp cơ bản sau:

Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Thành Phố Tây Ninh thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt và triển khai đầy đủ kịp thời chính sách giảm nghèo đa chiều. Cấp ủy, chính quyền tập trung xây dựng kế hoạch, chương trình hành động trên cơ sở thực tế địa phương, tập trung chỉ đạo giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề cấp bách nảy sinh trong quá trình thực hiện các chính sách giảm nghèo đa chiều, kết hợp với các giải pháp nhằm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định tình hình dân cư.

Tập trung vận động tuyên truyền cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc, tôn giáo về chính sách giảm nghèo đa chiều của nhà nước. Vì Thành Phố Tây ninh

là địa phương tập trung tôn giáo Cao đài đông nhất . Do vậy, đã được đông đảo nhân dân đặc biệt là người dân tôn giáo Cao đài đồng tình hưởng ứng, tạo nên sức mạnh tổng hợp và phát huy các nguồn lực để thực hiện chính sách có hiệu quả thiết thực hơn.

Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Thành Phố tây ninh đã không ngừng phát huy tinh thần đoàn kết, khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo, tự lực tự cường, phát huy được sức mạnh tổng hợp thực hiện có hiệu quả chính sách GNĐC đối với người dân tộc thiểu số. Biện pháp cơ bản là tăng cường sự phối kết hợp giữa các ban ngành ở huyện, đặc biệt là Phòng lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Phòng Tài chính - kế hoạch, Ban Dân tộc, Ban Dân vận Thành phố nhằm tạo nên sự đồng thuận trong việc thực hiện chính sách GNĐC, lồng ghép các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã vùng sâu với các chương trình dự án giảm nghèo của Chính phủ.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và các ban ngành chức năng ở Thành Phố Tây Ninh thường xuyên sơ kết, tổng kết việc thực hiện chính sách ở các vùng tộc người thiểu số để kịp thời khắc phục những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách GNĐC, có biện pháp kịp thời điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm cho các chính sách GNĐC được thực hiện có hiệu quả hơn. Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020. Trong đó, tập trung vào 5 nhiệm vụ chính: tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, người dân về giảm nghèo bền vững; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tăng thu nhập cho người nghèo (gồm hỗ trợ phát triển sản xuất, dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo; hỗ trợ về giáo dục - đào tạo; y tế; về nhà ở, điện, nước sinh hoạt; hỗ trợ người nghèo tiếp cận thông tin); tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp; tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng…Những cách nghĩ, cách làm ấy đã đem lại hiệu quả thiết thực, tạo cơ hội cho nhiều người nghèo phát triển kinh tế, từng bước vươn lên thoát nghèo bền

vững, góp phần cùng cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu công tác giảm nghèo hàng năm.

Cùng với đó, Thành phố tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất; ưu tiên hỗ trợ các công trình gắn với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận dịch vụ thông tin... Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế- xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách. Đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc giám sát và đánh giá công tác giảm nghèo.

1.6.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững là một chủ trương, chính sách vô cùng quan trọng của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua nhằm giúp cho hộ nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo bền vững mà không bị tái nghèo. Kinh nghiệm thực tiễn từ kết quả giãm nghèo đa chiều của Xã Bình Thạnh – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh và Thành Phố Tây Ninh- Tỉnh Tây Ninh, đó là những kinh nghiệm quý báu cho nhiều địa phương học hỏi, trong đó có Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng, những kinh nghiệm đó được khái quát như sau:

Một là: Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền tại các ấp thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, chi hội, chi đoàn và qua hệ thống trạm truyền thanh ấp về mục đích, ý nghĩa công tác giảm nghèo. Thông qua đó giúp cho hộ nghèo tự ý thức hơn trong công tác tự vươn lên thoát nghèo.

Hai là: Qua thực tiễn của xã cho thấy đã có nhiều hộ nghèo do trình độ học vấn thấp, thiếu hiểu biết, thiếu thông tin nên không được tiếp cận các dịch vụ xã hội và khả năng tiếp cận với các chương trình, nguồn vốn, chính sách…của Nhà nước đối với hộ nghèo còn hạn chế.

Ba là: Ban chỉ đạo giảm nghèo xã tổng kết, nhân rộng các mô hình giảm của xã và rút kinh nghiệm các địa phương khác đã thực hiện có hiệu quả tốt trong công

tác giảm nghèo, thông qua các mô hình đó phát hiện những tấm gương tiên tiến hoặc những hộ nghèo thật sự vượt lên để thoát nghèo bằng ý chí, nghị lực và có sự hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước.

Bốn là: Việc xác định đối tượng hộ nghèo được hỗ trợ chính sách đối với xã nghèo là là rất quan trọng vì mỗi hoàn cảnh hộ nghèo là khác nhau. Vì vậy nếu chính sách phù hợp với hoàn cảnh, nhu cầu của hộ nghèo sẽ giúp cho hộ nghèo có đủ điều kiện vươn lên thoát nghèo và ngược lại. Việc này đòi hỏi có sự phân công, kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo giảm nghèo của xã thật chặt chẽ đảm bảo quy trình điều tra, khảo sát phải thực, đúng thực tế từng hộ nghèo. Tránh chồng chéo giữa các chính sách, có hộ hưởng nhiều chính sách cùng lúc, có hộ không được hưởng hoặc hưởng chính sách không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

Năm là: Lãnh đạo xã cần cụ thể hóa mục tiêu giảm nghèo vào các chỉ tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm nhằm phù hợp với thực tế ở xã. Tập trung ưu tiên nguồn lực cho hộ nghèo nhằm tạo điều kiện tốt nhất để người nghèo tiếp cận các chính sách, dịch vụ xã hội cơ bản.

Tiểu kết chương 1

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến công tác giảm nghèo, nhất là giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững đó là một chủ trương đúng đắn và là một trong những mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong chương này tác giả thống nhất các khái niệm liên quan đến đề tài luận văn, hệ thống hóa các chính sách, giải pháp giảm nghèo đa chiều đã ban hành, tổ chức triển khai việc thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tiếp cận từ chính sách công và khung lý thuyết về quy trình tổ chức triển khai thực hiện chính sách GNĐC và các nhân tố ảnh hưởng đến GNĐC.

Kết thúc chương 1 Luận văn đã trình bày kinh nghiệm hoạt động thực hiện các chính sách về giảm nghèo đa chiều ở Xã Bình Thạnh – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh và Thành Phố Tây Ninh – Tỉnh Tây Ninh. Những kinh nghiệm này có thể vận dụng trong hoạt động thực hiện các chính sách về giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững trên địa bàn Xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng - Tỉnh Tây

Ninh. Việc nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận về GNĐC và thực hiện chính sách GNĐC bao gồm quy trình tổ chức thực hiện,những nhân tố ảnh hưởng đến nghèo, nguyên nhân dẫn đến nghèo, cách tiếp cận nghèo đa chiều, sự cần thiết phải giảm nghèo….sẽ là nền tảng, là cơ sở lý luận vững chắc giúp tác giả nghiên cứu chương 2 và chương 3 của luận văn được tốt hơn.

Chương 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TẠI XÃ PHƯỚC LƯU HUYỆN TRẢNG BÀNG – TỈNH TÂY NINH

2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội

2.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

2.1.1.1.Vị trí địa lý

Phước Lưu là một xã nằm ở phía Tây Nam của huyện Trảng Bàng có tổng diện tích tự nhiên 1.321,95 ha.Tổng số hộ là 1.705 hộ, 6.106 nhân khẩu. Phía Đông Nam: giáp xã Phước Chỉ; Phía Tây Nam: giáp xã Bình Thạnh; Phía Đông Bắc: giáp xã Thạnh Phước; Phía Bắc: giáp xã An Thạnh huyện Bến Cầu.

2.1.1.2. Điều kiện tự nhiên

Địa hình: tương đối bằng phẳng, đồng bằng ruộng lúa rất phù hợp với trồng cây lúa nước, nuôi cá nước ngọt và chăn nuôi gia cầm, gia súc…

Khí hậu: mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng Đông Nam Bộ, chia làm hai mùa rõ rệt trong năm: mùa mưa và mùa khô.

Bên cạnh đó hệ thống kênh, rạch đủ điều kiện tưới tiêu toàn bộ hệ thống các cánh đồng trồng các loại cây hoa màu, cây bắp, cây dưa gan. Đặc biệt vùng này rất thích hợp cho trồng thuốc lá vàng vào mùa nắng.

Ngoài ra điều kiện tự nhiên cũng gây không ít khó khăn trong công tác giảm nghèo như:

Ấp Phước Giang hệ thống giao thông đi lại rất khó khăn, chủ yếu người dân đi lại bằng ghe, xuồng. Điều kiện như vậy họ dễ rơi vào thế cô lập bên ngoài, khó tiếp cận với các nguồn lực để phát triển. Do vậy phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông có ý nghĩa rất lớn đối với việc giảm nghèo.

Vùng đất canh tác sâu, mỗi năm chỉ được 02 vụ đối với mùa nắng, còn mùa mưa ngập lụt nên đất không sử dụng được. Tình hình đất canh tác ít, năng suất cây trồng, vật nuôi thấp. Thiếu đất sản xuất ảnh hưởng đến khả năng đảm bảo lương thực cho người nghèo và khả năng đa dạng hóa sinh kế để hướng đến những loại

cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn không có, dẫn đến thu nhập thấp, việc tích lũy và tái sản xuất mỡ rộng bị hạn chế hoặc không có.

Địa hình nằm sâu trong lục địa nên chịu ảnh hưởng của gió bão và những yếu tố bất lợi khác của khí hậu đã xâm chiếm nhiều diện tích đất gây sạt lỡ, lũ lụt, phèn hóa đất đai nông nghiệp. Điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống người dân, đặc biệt là hộ nghèo.

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Tình hình phát kinh tế:

Giá trị sản xuất năm 2018 đạt 11,830 tỷ đồng. Một số sản phẩm vẫn duy trì được đà tăng trưởng và là thế mạnh như: cây lúa, cây thuốc lá vàng.

Nông nghiệp: Thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích đạt 98 triệu đồng/ha. Năng suất lúa bình quân đạt 63 tạ/ha.

Trong điều kiện kinh tế địa phương phát triển chậm, tuy nhiên hàng năm một số hộ kinh doanh cũng đã có nhiều cố gắng ổn dịnh sản xuất dảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách địa phương.

Tình hình xã hội – dân số:

Tính đến 13/8/2018 là: 6.106 người; có 5 ấp, cụ thể là: Ấp Gò Ngãi, có 1.525 người; Ấp Phước Tân, có 1.686 người; Ấp Phước Thành, có 950 người; Ấp Phước Lợi, có 1.184 người; Ấp Phước Giang, có 761 người.

Tình hình lao động:

Tổng số lao động hiện có: 5.741 người, trong đó: Lao động nông nghiệp: 2.669 người; Lao động phi nông nghiệp: 3.072 người.

Chương trình đề án 1956 tổ chức 20 lớp dạy nghề với 890 lao động. Các đối tượng được đào tạo nghề ngắn hạn là người nghèo và cả lao động đang thất nghiệp do tình hình ngập lụt xãy ra, dân tộc thiểu số, gia đình chính sách, người tàn tật…. Giới thiệu tạo việc làm mới cho 350 - 400 lao động / mỗi năm. [69, tr.4]

Bên cạnh đó vẫn không ít những hạn chế ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách giảm nghèo như: Hệ thống giao thông đi lại khó khăn nên việc thu hút đầu tư phát triển kinh tế không nhiều, xã hiện không có doanh nghiệp nên lực lượng lao

động chủ yếu đi làm ở khu công nghiệp ngoài xã. Đa phần ở tại địa phương là người già và trẻ em, việc này ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của họ. Yếu tố này cũng không ngoại trừ đến việc làm tăng tỷ lệ hộ nghèo cho xã; Hầu hết người nghèo thường có trình độ dân trí thấp, do thu nhập thấp nên việc đầu tư cho con học hành cũng ít được quan tâm, ít được đào tạo nghề nên ít có cơ hội kiếm được việc làm ổn định mà chỉ buôn bán nhỏ lẻ, làm thuê…

2.1.3 .Điều kiện phát triển văn hóa, xã hội

Phát triển văn hoá: Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, thể dục thể thao tiếp tục phát triển; tỷ lệ gia đình văn hoá 75,54%; tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá 100%.

Phát triển giáo dục: luôn được quan tâm hơn trong những năm qua, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt100%; Cơ sở vật chất trường, lớp học được đảm bảo.

Phát triển y tế: Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe có chuyển biến tích cực. Xã có 05/05 ấp được công nhận chuẩn Quốc gia về y tế. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, người già, gia đình chính sách đạt 100%.

Tuy nhiên do cơ bản là xã có xuất phát điểm thấp nên nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực văn hóa xã hội vẫn còn những khó khăn như: Xã chưa xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; riêng ấp Phước Giang tỷ lệ học sinh bỏ học ở đây rất cao 2,1% . Một số chế độ chính sách như: cứu trợ thiên tai, lũ lụt, lốc xoáy,hỗ trợ lúa nước…còn chậm trễ. Công tác khám chữa bệnh cho hộ nghèo bằng bảo hiểm y tế còn nhiều bất cập nên ảnh hưởng nhiều đến đời sống hộ nghèo. [69, tr.6]

2.2. Thực trạng hộ nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh

2.2.1. Phân tích tình hình hộ cận nghèo theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Dựa trên khung lý thuyết và tài liệu đã đề cập ở chương 1 về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Theo kết quả khảo sát, điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn áp dụng giai đoạn 2015 - 2019, tác giả đã tổng hợp được tình hình hộ nghèo theo các chiều thiếu hụt như sau: theo kết quả trong khảo sát, thống kê của xã, 100% hộ nghèo đều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Do đó, ở đây tác giả chỉ

khảo sát và có bảng thống kê phân tích hộ cận nghèo. Qua đó có thể đánh giá được mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đối với hộ cận nghèo.

Bảng 2.1. Phân tích hộ cận nghèo tại Xã Phước Lưu theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2018

ĐVT: Hộ, %

Stt	Chiều thiếu hụt	Số hộ thiếu hụt về các chỉ số (hộ)	Tỷ lệ thiếu hụt các chỉ số so với tổng số hộ cận nghèo (%)
1	Tiếp cận dịch vụ y tế	7	12,28
2	Bảo hiểm y tế	0	0
3	Trình độ giáo dục người lớn	2	8,51
4	Tình trạng đi học trẻ em	22	38,60
5	Chất lượng nhà ở	10	17,54
6	Diện tích nhà ở	9	15,79
7	Nguồn nước sinh hoạt	6	10,53
8	Hố xí/ nhà tiêu hợp vệ sinh	11	19,30
9	Sử dụng dịch vụ viễn thông	12	21,05
10	Tiếp cận thông tin	4	7,02

Nguồn: *UBND Xã Phước Lưu 2018 - tổng hợp điều tra hộ cận nghèo*

Từ kết quả điều tra, khảo sát số hộ cận nghèo thiếu hụt năm 2018 ta có thể dễ dàng nhìn thấy rõ về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

Tình trạng đi học của trẻ em có mức độ thiếu hụt cao nhất 22/57 hộ cận nghèo, chiếm 38,60% ; có tới 12/57 hộ thiếu hụt chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, chiếm 21,05%; kế tiếp là chỉ tiêu Hố xí/nhà tiêu hợp về sinh 11/57 hộ cận, chiếm tới 19,30% tổng số hộ cận nghèo. Ngoài ra các chiều thiếu hụt còn lại như: tiếp cận dịch vụ y tế là 7 hộ, chiếm 12,28%; nguồn nước sinh hoạt là 6, chiếm 10,53%; tiếp cận thông tin là 4, chiếm 7,02%; tình trạng giáo dục người lớn là 2, chiếm 8,51, còn lại chỉ số về bảo hiểm y tế không bị thiếu hụt [70, tr.5]

Qua đó cho ta thấy được, chất lượng cuộc sống của người dân nhất là hộ cận nghèo đang rất thấp, họ đang phải đối mặt với những thiếu hụt trầm trọng về những nhu cầu xã hội cơ bản. Nếu giống như những năm trước đây thì ta chỉ đo lường nghèo dựa trên tiêu chí thu nhập thì ta không thể đánh giá được một cách toàn diện về chất lượng cuộc sống của người dân.

Căn cứ vào kết quả điều tra năm 2018 để đánh giá nghèo đa chiều được thực hiện trên 5 chiều là giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống, tiếp cận thông tin trong đó mỗi chiều ta lại phân tích theo 2 tiêu chí cơ bản. Tác giả sẽ đi đến phân tích cụ thể từng chỉ số thiếu hụt như sau:

1. Y tế

Đánh giá chiều nghèo về y tế được thực hiện trên 2 chỉ số là bảo hiểm y tế và tiếp cận các dịch vụ y tế. Kết quả cho thấy:

Bảng 2.2. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu y tế của hộ cận nghèo trên địa xã Phước Lưu

Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Bảo hiểm y tế		Tiếp cận các dịch vụ y tế	
		Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phước Tân	15	0	0	0	0
Gò Ngãi	9	0	0	0	0
Phước Thành	17	0	0	7	41,18
Phước Lợi	10	0	0	0	0
Phước Giang	6	0	0	0	0
Tổng cộng	**57**	**0**	**0**	**7**	**12,28**

Nguồn: Kết quả điều tra hộ cận nghèo của UBND Xã Phước Lưu năm 2018

Bảo hiểm y tế: Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện không có bảo hiểm y tế thì hộ đó thiếu hụt về chỉ số bảo hiểm y tế. Tại thời điểm điều tra Xã Phước Lưu không bị thiếu hụt chỉ số này. Căn cứ theo quy định tại điểm h khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 12 Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì hộ nghèo là hộ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua thẻ BHYT.

Hộ cận

nghèo được Nhà nước hỗ trợ 70% kinh phí. Điều này cho thấy công tác thực thi các chính sách hỗ trợ cho người nghèo ở xã về lĩnh vực cấp thẻ bảo hiệm y tế cho hộ cận nghèo được đảm bảo, người nghèo được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế 100%.

Tiếp cận các dịch vụ y tế: Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh (ốm đau được xác định là bị bệnh/chấn thương nặng đến mức phải nằm một chỗ và phải có người chăm sóc tại giường hoặc nghỉ việc/học không tham gia được các hoạt động bình thường) thì hộ đó thiếu hụt chỉ số về tiếp cận các dịch vụ y tế. Có 7 hộ chiếm 41,18 % tổng số hộ điều tra thiếu hụt về chỉ số này, trong đó duy nhất chỉ có Ấp Phước Thành là ấp thiếu hụt chỉ số này . Theo kết quả điều tra cho thấy, xét về mức độ tiếp cận dịch vụ y tế thì người dân thiếu hụt rất ít về chỉ tiêu này, đa số hộ nghèo dù ở vùng sâu và xa trung tâm của xã nhất cũng đã đến trạm y tế xã khám chữa bệnh khi ốm đau(hiện tại trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia).

2. Giáo dục

Kết quả khảo sát nghèo đa chiều, chiều về giáo dục được đánh giá trên 2 chỉ số đo lường là trình độ giáo dục của người lớn và tình trạng đi học của trẻ em. Kết quả cho thấy:

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu giáo dục của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu

Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Trình độ giáo dục của người lớn		Tình trạng đi học của trẻ em	
		Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phước Tân	15	0	0	14	93,33
Gò Ngãi	9	0	0	0	0
Phước Thành	17	1	5,88	7	41,18
Phước Lợi	10	1	10,00	1	10,00
Phước Giang	6	0	0	0	0
Tổng cộng	**57**	**2**	**3,51**	**22**	**38,60**

Nguồn: *Kết quả điều tra hộ cận nghèo của UBND Xã Phước Lưu năm 2018*

Theo đó: Trình độ giáo dục của người lớn: Những hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 15 tuổi đến 30 tuổi mà chưa tốt nghiệp trung học cơ sở (chưa học hết lớp 9) và hiện không đi học thì hộ đó thiếu hụt về chỉ số trình độ giáo dục của người lớn. Có 02 hộ chiếm 3,51% thiếu hụt về chỉ số này trong đó tại ấp Phước Thành là 01 hộ chiếm 5,58% số hộ cận nghèo của ấp. Ấp Phước lợi là 01 hộ chiếm 10% số hộ cận nghèo của ấp. Còn lại 03 ấp: Phước Tân, Gò Ngãi và Phước Giang không thiếu hụt chỉ số này.

Tình trạng đi học của trẻ em: Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên trong độ tuổi đi học (từ 5 đến dưới 15 tuổi) hiện không đi học thì hộ đó thiếu hụt về chỉ số tình trạng đi học của trẻ em. Có tổng số 22 hộ thiếu hụt ở chỉ số này chiếm 38,60% tổng số hộ cận nghèo của xã, trong đó nhiều nhất là Ấp Phước Tân là 14 hộ chiếm 93,33% số hộ cận nghèo của xã, kế đến Ấp Phước Thành là 7 hộ, chiếm 41,18% và ấp Phước Lợi 01 hộ, chiếm 10%. Ngoài ra còn 02 ấp: Gò Ngãi và Phước Giang không thiếu hụt chỉ số này.

Hiện tại Xã Phước Lưu mặc dù đã hoàn thành xong chuẩn phổ cập Trung học cơ sở, tuy nhiên do đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở vùng nông thôn việc kiếm tiền để lo cái ăn cái mặc vẫn là chính và những thành viên từ 15 tuổi trở thành những lao động chính của gia đình, có khi là trụ cột gia đình, họ phải lo làm kinh tế và kiếm sống cho nên việc đầu tư cho học hành là rất ít. Nhất là đến các mùa vụ (thuốc lá vàng, lúa…) để phụ giúp gia đình thì tình trạng nghỉ học ở học sinh vùng nông thôn thường xuyên xảy ra.

3. Nhà ở

Đánh giá chiều nghèo về nhà ở được thực hiện trên 2 chỉ số là chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở bình quân trên đầu người. Kết quả cho thấy:

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu nhà ở của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu

Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Chất lượng nhà ở		Diện tích nhà ở bình quân đầu người	
		Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phước Tân	15	3	20	0	0
Gò Ngãi	9	0	0	2	22,22
Phước Thành	17	4	23,53	5	29,41
Phước Lợi	10	1	10	1	10
Phước Giang	6	2	33,33	1	16,67
Tổng cộng	**57**	**10**	**17,54**	**9**	**15,79**

Nguồn: *Kết quả điều tra hộ cận nghèo của UBND Xã Phước Lưu năm 2018*

Chất lượng nhà ở: Hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố và đơn sơ thì hộ đó thiếu hụt chỉ số về chất lượng nhà ở. Có 10 hộ chiếm 17,54% số hộ cận nghèo thiếu hụt về chỉ số này, trong đó Phước Thành là nhiều nhất 04 hộ, chiếm 23,53%, Phước Tân là 03 hộ, chiếm 20%, Phước Giang là 3 hộ, chiếm 33,33%, Phước Lợi là 01 hộ, chiếm 10%. Riêng Ấp Gò Ngãi không thiếu hụt chỉ số này. Kết quả này cho thấy có 17,54% số hộ cận nghèo trong xã hiện đang sống trong điều kiện nhà ở kém chất lượng. Nếu như sử dụng phương pháp đo lường nghèo trước đây thông qua thu nhập đơn chiều thì ta không thể đánh giá được điều kiện sống, điều kiện nhà ở kém chất lượng của người dân một cách chi tiết và cụ thể. Với 10 hộ, chiếm 17,54% đang phải đối mặt với những kiều kiện nhà ở kém chất lượng, đời sống của hộ cận nghèo còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; hiện còn hộ cận nghèo này đang ở nhà tạm bợ, dột nát hoặc hư hỏng đã xuống cấp nhiều và không đảm bảo an toàn. Theo kết quả điều tra hộ nghèo năm 2017 thì đây là chỉ số thiếu hụt cao nhất 39 hộ, chiếm 49,36% nhưng đến năm 2018 thì giảm còn 10 hộ, chiếm 17,54%.

Diện tích nhà ở bình quân trên người: Hộ gia đình mà có diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ nhỏ hơn $8m^2$ thì hộ đó thiếu hụt về chỉ số diện tích nhà ở

bình quân trên người. Có 9 hộ chiếm 15,79% số hộ thiếu hụt chỉ số này, trong đó Phước Thành là nhiều nhất 5 hộ, chiếm 29,41%, Gò Ngãi là 02 hộ, chiếm 22,22%, Phước Lợi là 02 hộ, chiếm 10%, Phước Giang là 01 hộ, chiếm 16,67%. Trong số các hộ cận nghèo này thiếu hụt về diện tích nhà ở, tức là diện tích ở không quá 8m^2. Còn ấp Phước Tân không thiếu hụt chỉ số này.

4. Điều kiện sống

Chiều nghèo về điều kiện sống được đánh giá trên 2 chỉ số là nguồn nước sinh hoạt và hố xí/nhà tiêu. Kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về điều kiện sống của hộ cận nghèo trên địa bàn Xã Phước Lưu

Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Nguồn nước sinh hoạt		Hố xí/nhà tiêu	
		Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phước Tân	15	1	6,67	0	0
Gò Ngãi	9	0	0	7	77,78
Phước Thành	17	2	11,76	2	11,76
Phước Lợi	10	3	30	0	0
Phước Giang	6	0	0	2	33,33
Tổng cộng	**57**	**6**	**10,53**	**11**	**19,30**

Nguồn: *Kết quả điều tra hộ cận nghèo của UBND Xã Phước Lưu năm 2018*

Nguồn nước sinh hoạt: Hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh thì hộ đó thiếu hụt chỉ số về nguồn nước sinh hoạt. Trong đó nguồn nước hợp vệ sinh bao gồm: nước máy vào nhà, nước máy công cộng, giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/mo được bảo vệ, nước mua, nước mưa. Nguồn nước không hợp vệ sinh và các nguồn nước không thuộc nguồn nước trên. Có 6 hộ chiếm 10,53% thiếu hụt về chỉ số này, trong đó Phước lợi chiếm nhiều nhất là 03 hộ, chiếm 30%, Phước Thành là 02 hộ, chiếm 11,76%, Phước Tân là 01hộ, chiếm 6,67%, còn lại Gò Ngãi và Phước Giang không thiếu hụt chỉ số này. Kết quả này cho thấy, hộ cận nghèo không được tiếp cận với nguồn nước sinh hoạt vệ sinh

chiếm một tỷ lệ 10,53% . Về vấn đề nguồn nước sinh hoạt thì chủ yếu hộ cận nghèo lấy từ sông vàm cỏ, gần khu vực sống, khoan giếng khoan và dẫn nước sạch từ trạm nước ở ấp Phước Thành và ấp Gò Ngãi để cung cấp cho người dân trong toàn xã. Hầu hết chỉ các hộ gia đình sống ở khu vực nàymới được tiếp cận nguồn nước máy từ trạm nước của xã.

Hố xí/ nhà tiêu: Hộ gia đình không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh thì hộ đó thiếu hụt chỉ số này. Trong đó hố xí hợp vệ sinh là: tự hoại/bán tự hoại, thấm dội nước, hai ngăn. Hố xí không hợp vệ sinh là những hố xí không thuộc loại trên. Có 11 hộ chiếm 19,30% tổng số hộ điều tra thiếu hụt chỉ số này. Trong đó lớn nhất là Gò ngãi là 7 hộ, chiếm 77,78%, Phước Thành là 02 hộ, chiếm 11,17%, Phước Giang là 02 hộ, chiếm 33,33%, riêng ấp Phước Tân và Phước Lợi không thiếu hụt chỉ số này. Lý do là do tập tục sống, điều kiện sống của hộ nghèo nên việc sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh ở vùng nông thôn rất ít. Tuy nhiên với kết quả điều tra năm 2017 thì chỉ số này rất cao 53 hộ, chiếm 68,08%. Đến năm 2018 Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo xã đã phối hợp với ngân hàng CSXH huyện giải ngân 530 triệu đồng để hộ nghèo xây dựng 03 công trình vệ sinh môi trường. Kết quả điều tra hộ cận nghèo đến cuối năm thì chỉ số này giảm còn 11 hộ, chiếm 19,30%.

5. Tiếp cận thông tin

Chiều nghèo về tiếp cận thông tin được đánh giá trên 2 chỉ số là sử dụng dịch vụ viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Bảng 2.6. Kết quả khảo sát sự thiếu hụt về nhu cầu tiếp cận thông tin của hộ cận nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu

Ấp	Tổng số hộ cận nghèo	Sử dụng dịch vụ viễn thông		Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin	
		Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Phước Tân	15	0	0	0	0
Gò Ngãi	9	1	11,11	1	11,11
Phước Thành	17	3	17,65	0	0

Phước Lợi	10	5	50	0	0
Phước Giang	6	3	50	3	50
Tổng cộng	**57**	**12**	**21,05**	**4**	**7,02**

Nguồn: *Kết quả điều tra hộ cận nghèo của UBND Xã Phước Lưu năm 2018*

Sử dụng dịch vụ viễn thông: Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet thì hộ đó thiếu hụt chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông. Có 12 hộ chiếm 21,05% thiếu hụt chỉ số này, trong đó Phước Lợi là 05 hộ, chiếm 50%, Phước Thành là 03 hộ, chiếm 17,65%, Phước Giang là 03 hộ, chiếm 50%, Gò Ngãi 01 hộ, chiếm 11,11%.

Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Ti vi, radio, máy tính; và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/ấp thì hộ đó thiếu hụt chỉ số này. Có 04 hộ chiếm 7,02% số hộ thiếu hụt chỉ số này, trong đó Phước Giang là lớn nhất là 03 hộ, chiếm 50%, Gò Ngãi là 01hộ, chiếm 11,11%, còn lại 03 ấp: Phước Tân, Phước Thành, Phước Lợi không thiếu hụt chỉ só này.

Kết quả điều tra chỉ số thiếu hụt về nhu cầu tiếp cận thông tin của người nghèo trên địa bàn xã Phước Lưu cho thấy mức độ sử dụng các dịch vụ viễn thông như: thuê bao điện thoại, internet… và các tài sản phục vụ tiếp cận thông tin như: Ti vi, radio, máy tính và không nghe được hệ thống loa trạm truyền thanh xã, ấp thì đa số người dân cũng đã bắt kịp với xu thế phát triển của xã hội, ngoài các cá nhân, hộ gia đình khác thì hộ nghèo cũng đã có sử dụng điện thoại di động, internet, tivi và UBND xã cũng đã trang bị các cụm loa truyền thanh 5/5 ấp nên việc người dân tiếp cận các dịch vụ này tương đối tốt. Tuy nhiên ấp Phước Giang, Phước Lợi do một số hộ nghèo sống xa khu dân cư nên không được tiếp nhận các thông tin từ cụm loa của ấp, đời sống người dân khu vực này còn quá khó khăn nên chưa có điều kiện trang bị internet, máy tính….

2.2.2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng nghèo, tuy nhiên theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã Phước Lưu theo chuẩn nghèo giai đoạn 2015 - 2019 thì kết quả thu được về nguyên nhân nghèo như sau:

2.2.2.1. Nguyên nhân về nhân khẩu học

Theo số liệu điều tra, số hộ có quy mô từ 6 người trở lên chiếm bình quân 36,84% tổng số hộ nghèo và 31,58% số hộ từ 5 đến 6 khẩu. Quy mô hộ gia đình lớn nhưng tỷ lệ người ăn theo cao vẫn được cho là nguyên nhân hiện hữu dẫn đến nghèo của các hộ trong vùng nghiên cứu. Để thấy rõ hơn nguyên nhân này, tác giả có phân tích thêm về quy mô hộ gia đình của nhóm hộ nghèo theo tiêu chí phân tổ là hộ nghèo cùng cực, nghèo thu nhập và nghèo đa chiều tại bảng 2.7 như sau:

Bảng 2.7. Ảnh hưởng quy mô hộ gia đình tới hộ nghèo (n=55)

Chỉ tiêu	HN cùng cực		HN thu nhập		HN đa chiều	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Số nhân khẩu bình quân/ hộ >=6	7	36,84	5	45,45	11	44
5<= số nhân khẩu bình quân/ hộ< 6	6	31,58	3	27,27	7	28
4<= số nhân khẩu bình quân/ hộ <5	4	21,05	2	18	7	28
Số nhân khẩu bình quân/hộ < 4	2	10,53	1	9,1	0	0
Tổng	19	100	11	100	25	100

Nguồn: *Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ nghèo năm 2017*

Với nhóm hộ nghèo cùng cực vừa thiếu hụt về thu nhập, vừa thiếu hụt các chiều nghèo có 68,42% số hộ có quy mô hộ gia đình từ 5 người trở lên. Với nhóm hộ nghèo về thu nhập tỷ lệ nhân khẩu lớn hơn 6 người chiếm 45,45%; ở nhóm nghèo đa chiều là 44%.

2.2.2.2. Nguyên nhân về quy mô đất đai của hộ

Đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng đối với mỗi hộ dân vùng nông thôn. Sở hữu nhiều đất đai thì hộ sẽ có điều kiện phát triển kinh tế tốt hơn và ngược lại nếu thiếu đất đai thì sẽ khó khăn hơn trong phát triển kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Bảng 2.8. Ảnh hưởng của quy mô đất đai với nhóm hộ nghèo (n=55)

Diện tích bình quân hộ	HN cùng cực		HN thu nhập		HN đa chiều	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)

Nhỏ hơn 360 m^2	10	52,63	5	45,45	14	56
Từ 360 – 1080 m^2	5	26,31	4	36,36	7	28
Nhiều hơn 1080 m^2	4	21,06	2	18,18	4	16
Tổng	19	100	11	100	25	100

Nguồn: *Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ nghèo năm 2017.*

Số liệu bảng 2.8 cho thấy quy mô đất đai nhỏ, hay nói khác đi là hộ nghèo thiếu đất một tư liệu sản xuất quan trọng của nghề nông đã là nguyên nhân quan trọng dẫn đến nghèo. Có từ 45,45% đến 56% số hộ ở 3 nhóm hộ nghèo có diện tích đất nhỏ hơn 360 m^2. Nguyên nhân thiếu đất sản xuất dẫn đến nghèo là nguyên nhân rất dễ nhìn thấy, thậm chí không có đất để ở hoặc diện tích ở rất chật hẹp.

2.2.2.3. Nguyên nhân về trình độ học vấn thấp

Những người có trình độ học vấn cao thường sẽ có khả năng tiếp cận thông tin một cách nhạy bén hơn, tiếp nhận cái mới tốt hơn, phân tích vấn đề sâu hơn, giải quyết vấn đề tốt hơn những người có học vấn thấp. Tìm hiểu trình độ học vấn của chủ hộ sẽ giúp ta đánh giá được khả năng tiếp cận thông tin và giải quyết vấn đề của hộ để từ đó xác định nguyên nhân của các thiếu hụt trong từng nhóm hộ.

Bảng 2.9. Ảnh hưởng của trình độ học vấn với nhóm hộ nghèo (n=55)

Trình độ học vấn của chủ hộ	**HN cùng cực**		**HN thu nhập**		**HN đa chiều**	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Không biết chữ	3	15,79	3	27,27	6	24
Tiểu học	7	36,84	3	27,27	9	36
Trung học cơ sở	9	47,36	4	36,36	7	28
Trung học phổ thông	0	0	1	9,1	3	12
Tổng	19	100	11	100	25	100

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ nghèo năm 2017

Bảng trên cho thấy trình độ học vấn của chủ các hộ điều tra là tương đối thấp chủ yếu là học hết tiểu học (bình quân 33,37%) và trung học cơ sở (bình quân 37,24 %). Có 7,03 % hộ điều tra có chủ hộ học hết trung học phổ thông và vẫn còn

tới 22,35 % chủ hộ là không biết chữ. Những người nghèo là những người có trình độ học vấn thấp, ít có cơ hội kiếm được việc làm tốt, ổn định. Mức thu nhập của họ hầu như chỉ bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng tối thiểu. Vì thế, họ không có điều kiện để nâng cao trình độ của mình trong tương lai để thoát khỏi cảnh nghèo khó. Thực tế cho thấy rằng tỷ lệ hộ nghèo chỉ giảm xuống khi trình độ giáo dục tăng lên và khi trình độ học vấn tăng lên, họ sẽ có cơ hội tìm được những việc làm trong các lĩnh vực phi nông nghiệp, dịch vụ có khả năng mang lại thu nhập cao hơn và ổn định hơn. Qua đó ta thấy trình độ học vấn của hộ nghèo thấp cũng là một nguyên nhân dẫn đến nghèo.

2.2.2.4. Nguyên nhân khác

Tiến hành tìm hiểu các nguyên nhân khác dẫn đến nghèo từ những hộ điều tra ta có bảng sau:

Bảng 2.10. Nguyên nhân khác dẫn đến nghèo (n=55)

TT	Nguyên nhân	Số ý kiến	Tỷ lệ
1	Thiếu vốn sản xuất	15	27,27
2	Thiếu phương tiện sản xuất	11	20
3	Thiếu lao động	3	5,45
4	Thiếu việc làm	3	5,45
5	Không biết cách làm ăn	9	16,37
6	Ốm đau hoặc có bệnh xã hội	5	9,1
7	Không chịu khó lao động	4	7,27
8	Nguyên nhân khác	5	9,1

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra hộ nghèo năm 2017

Qua bảng cho thấy 3 nguyên nhân khác được nhiều ý kiến nhận định là các nguyên nhân dẫn tới tình trạng nghèo của các hộ điều tra là: (1) Thiếu vốn sản xuất là 27,27%; (2) thiếu phương tiện sản xuất là 20% ; (3) Không biết cách làm ăn là 16,37%. Ngoài ra các nguyên nhân như không chịu khó lao động, ốm đau bệnh tật, thiếu lao động, thiếu việc làm… cũng là một trong những nguyên nhân nghèo của nhiều hộ.

Trên thực tế chúng ta thấy rằng, người nghèo thường thiếu vốn, thiếu phương tiện để sản xuất nên họ bị rơi vào vòng luẩn quẩn của nghèo đói. Người nghèo thiếu khả năng tiếp cận với các nguồn tín dụng, nguồn vốn hạn chế là một trong những nguyên nhân làm giảm khả năng đổi mới áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Nhưng có khi có vốn, có phương tiện sản xuất thì họ lại không biết cách làm ăn do không có trình độ, không chịu khó lao động hoặc ốm đau, bệnh tật… Nhìn chung, các nguyên nhân hạn chế trên cũng là một trong những nguyên nhân phổ biến nhất của người nghèo, làm cho người nghèo đã nghèo lại ngày càng nghèo hơn. Họ muốn thoát ra khỏi cảnh nghèo nhưng luôn luôn bị rơi vào cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo khó.

2.3. Thực trạng công tác giảm nghèo đa chiều trên địa bàn Xã Phước Lưu giai đoạn: 2015-2019

2.3.1. Chuyển đổi cách tiếp cận nghèo đơn chiều sang nghèo đa chiều ở xã Phước Lưu

Ở Việt Nam trong thời gian qua, việc xác định chuẩn nghèo hoàn toàn dựa trên tiêu chí thu nhập, được xác định dựa trên phương pháp "Chi phí cho các nhu cầu cơ bản". Nhu cầu cơ bản là chi cho nhu cầu tối thiểu về lương thực và chi cho các nhu cầu thiết yếu (giáo dục, y tế, nhà ở…) như vậy mặc dù một số hộ nghèo không đứng trong danh sách hộ nghèo nhưng nhiều gia đình ở vùng sâu, nông thôn lại thiếu thốn các dịch vụ y tế, nước sạch, trẻ em học trong những ngôi trường không đảm bảo cơ sở vật chất…

Với cách tiếp cận thu nhập việc đo lường nghèo đã không còn phù hợp với xu thế mới, bởi nhu cầu cơ bản của con người không thể quy ra bằng tiền như tham gia xã hội, an ninh, vị thế xã hội… hoặc không thể mua bằng tiền như tiếp cận giao thông, thị trường, đường xá, một số dịch vụ y tế, giáo dục… [63]. Do đó phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều cũng đã được xã Phước Lưu đưa vào áp dụng thực tiễn, kết quả cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo tăng lên hơn gấp đôi so với việc đánh giá chuẩn nghèo theo phương pháp đơn chiều. So sánh kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày

30 tháng 01 năm 2011 của Thủ Tướng Chính Phủ ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015 và kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn quy định tại định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 có thể thấy rõ được sự khác biệt về tình hình hộ nghèo trong hai giai đoạn (như bảng 2.11)

Bảng 2.11. Tỷ lệ hộ nghèo Xã Phước Lưu theo tiếp cận đơn chiều và tiếp cận đa chiều

Cách tiếp cận	Hộ nghèo	
	Tổng số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
Cách tiếp cận nghèo đơn chiều	78	4,6
Cách tiếp cận nghèo đa chiều	184	10,89

Nguồn: *UBND Xã Phước Lưu 2016 – tổng hợp điều tra*

Qua bảng số liệu phân tích trên ta có thể thấy rõ được rằng, so sánh giữa 2 phương pháp tiếp cận: Một là, phương pháp tiếp cận truyền thống là đo lường nghèo dưới góc độ thu nhập(đơn chiều) thì tổng số hộ nghèo cho tới cuối năm 2016 của xã Phước Lưu là 78 hộ trong tổng số 1689 hộ (chiếm 4,6%) nhưng khi ta sử dụng phương pháp tiếp cận mới là đo lường nghèo theo đa chiều thì kết quả thu được lại có một sự chênh lệch rất lớn. Qua tổng hợp kết quả điều tra, số hộ nghèo lên tới 184 hộ, chiếm 10,89% so với tổng số hộ.

Như vậy, so với phương pháp tiếp cận đơn chiều thì ta nhận thấy rằng, số hộ nghèo tăng lên gấp 2,3 lần. Qua đó, tác giả có thể khẳng định được rằng, phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều có thể cho ta đánh giá hiện trạng nghèo của các hộ gia đình một cách khách quan hơn, thực tế hơn và sâu sắc hơn để có thể nhìn nhận hiện trạng vấn đề nghèo một cách toàn diện và là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế xã hội khác tốt hơn.

2.3.2. Một số chính sách giảm nghèo đa chiều được áp dụng trên địa bàn Tỉnh Tây Ninh

Xác định được tầm quan trọng của GNĐC trong việc góp phần phát triển

kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện tốt mục tiêu GNĐC thì khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong tỉnh cũng giảm, công bằng xã hội được cải thiện. Đồng thời kinh tế tỉnh Tây Ninh phát triển cũng góp phần làm cho công tác thực hiện chính sách GNĐC cũng được hiệu quả hơn. Nghị quyết Đại hội đảng bộ Tỉnh Tây Ninh lần thứ X, đã xác định rõ mục tiêu phát triển kinh tế trong nhiệm kỳ 2015-2020: trong đó xác dịnh mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế là trọng tâm, tập trung ưu tiên chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tây Ninh. [60] Bên cạnh đó, Tỉnh ủy Tây Ninh cũng ban hành Nghị quyết số: 03/2016/NQ/TU ngày 15/7/2016 về lãnh đạo thực hiện chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá, giai đoạn 2016-2020. [61] Đồng thời Nghị quyết số: 36/2015/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh Tây Ninh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2016-2020, đã đưa ra mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,3 % / năm, số lao động có việc làm tăng bình quân mỗi năm 17 ngàn lao động [27]; Nghị quyết số: 06-NQ/TU, ngày 11/4/2018 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Tây Ninh về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020 [62]; Quyết định số : 31/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND Tỉnh Tây Ninh Về việc quy định chuẩn hộ nghèo tỉnh và chính sách hộ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020. [67] Chuẩn hộ nghèo tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020 là hộ có mức sống trung bình quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020.

Để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, Ban thường vụ huyện ủy Trảng Bàng đã ban hành kế hoạch số 55-KH/HU ngày 20 tháng 6 năm 2016 về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018 và kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 3 tháng 8 năm 2016 về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững của huyện, giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu là tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, việc làm - bảo hiểm xã hội, nhà ở, nước sạch và thông tin), nhằm cải thiện và nâng cao mức sống, điều

kiện sống và chất lượng cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện đã khẳng định:

- Tập trung thực hiện chương trình trọng điểm về "giảm nghèo bền vững" của huyện giai đoạn 2016-2020 với mục tiêu thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng so với đầu năm 2016 là 3 lần và thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn mới còn 2%.
- Tập trung giải quyết tốt an sinh xã hội, vấn đề bức xúc xã hội, chú trọng giải quyết tốt vấn đề lao động, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo trong huyện tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, đào tạo, y tế, việc làm, bảo hiểm xã hội, nhà ở, điều kiện sống, thông tin). Trong đó, ưu tiên hỗ trợ 100% gia đình chính sách đạt mức sống trên chuẩn cận nghèo của người dân trên địa bàn huyện.

UBND Xã Phước Lưu đã xác định công tác giảm nghèo và GNĐC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương. Vì vậy để thực hiện tốt các chính sách của tỉnh, huyện thì UBND xã đã cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch cụ thể phù hợp với địa phương như: Chương trình số 17-CTr/ĐU ngày 25/7/2016 Về lãnh đạo công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 [18]; Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 24/12/2016 Về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.[28] Kế hoạch số: 32/2016/KH-UBND ngày 27/8/2016 Về thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn: 2016- 2020. [76] Các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của địa phương nhằm đảm bảo giảm nghèo bền vững và chỉ tiêu cụ thể như sau:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn mới của Chương trình giảm nghèo bền vững của xã giai đoạn 2016-2020, bình quân 1% /năm.

Bình quân thu nhập của hộ nghèo vào năm 2020 tăng lên 2 lần so với năm 2016.

Ngoài ra, trong thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của Đảng ủy – Hội đồng nhân dân – UBND xã, sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, nhiều chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã được triển

khai thực hiện tích cực, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân trên địa bàn xã.

2.3.3. Thực trạng giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu giai đoạn 2015 – 2019

Là xã nghèo nên luôn được các cấp, các ngành quan tâm tạo điều kiện để hộ nghèo vươn lên thoát nghèo và cũng giúp cho xã đạt tiêu chí về hộ nghèo theo tiêu chí nông thôn mới (đạt dưới 1%). Tuy nhiên không vì để đạt tiêu chí hộ nghèo theo chuẩn nông thôn mới mà lãnh đạo, chính quyền xã tìm mọi cách đạt tiêu chí mà giảm hộ nghèo. Với lý do là: Thứ nhất: năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo rất cao so với tổng số hộ dân 69/1689 hộ , tỷ lệ 4.08 % nếu giảm xuống đến dưới 1% mà trông khi hộ nghèo vẫn chưa đủ điều kiện thoát nghèo; thứ hai: xã Phước Lưu không phải là xã chọn điểm để xây dựng nông thôn mới nên dù có giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1% thì xã cũng không được công nhận là xã nông thôn mới; thứ ba: Dù tỷ lệ hộ nghèo có giảm xuống nhanh chóng để đạt tiêu chí nông thôn mới thì khả năng tái nghèo là rất cao. Vì vậy tùy theo hoàn cảnh cụ thể từng hộ nghèo mà Ban chỉ đạo xã điều tra, khảo sát, sau đó sẽ tiến hành họp, xét, đánh giá đúng thật chất để những hộ thật sự đủ các điều kiện thoát nghèo hoặc được hưởng các chế độ bảo trợ xã hội khác theo quy định thì Ban chỉ đạo mới thống nhất cho thoát nghèo, còn lại những hộ (không còn khả năng lao động, neo đơn, chưa đến tuổi lao động hoặc bệnh nan y….) không có khả năng thoát nghèo thì vẫn tiếp tục được hưởng các chính sách hộ nghèo theo quy định. Tức là theo quan điểm của lãnh đạo địa phương sẽ tạo điều kiện cho hộ nghèo dần dần thoát nghèo khi có đủ điều kiện và sẽ thoát hẳn mà không tái nghèo. Có như vậy thì công tác giảm nghèo đa chiều của địa phương mới thật sự bền vững. Thể hiện qua kết quả khảo sát thực tế hàng năm (2016-2019) từ khi áp dụng phương pháp tiếp cận đa chiều như sau:

Bảng 2.12. Tổng hợp kết quả điều tra số hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 - 2019

ĐVT: Hộ/%

STT	Năm	Hộ nghèo/hộ	Tỷ lệ	Hộ cận nghèo/hộ	Tỷ lệ
1	2016	69/1689	4,08	115/1689	6,8

2	2017	46/1705	2,70	79/1705	4,63
3	2018	34/1705	1,99	57/1705	3,34
4	2019	26/1697	1,53	42/1697	2,47

Nguồn: *Điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều tại Xã Phước Lưu giai đoạn: 2016- 2019*

Năm 2016 là năm đầu tiên Xã Phước Lưu áp dụng phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều cho thấy tỷ lệ hộ nghèo tăng lên rất cao là 69 hộ, chiếm tỷ lệ 4,08% ; hộ cận nghèo là 115 hộ, chiếm 6,8%. Do áp dụng điều tra tất cả chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo mà không còn điều tra theo thu nhập như trước kia. Qua đó UBND xã đã không đạt Nghị quyết đã đề ra là giảm tỷ lệ hộ nghèo 2% /năm. [72, tr.6]

Năm 2017 là năm thứ hai áp dụng phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều, vì đã có tiền đề điều tra từ năm 2016 nên tỷ lệ hộ nghèo có chiều hướng giảm xuống. Tổng số hộ nghèo 46 hộ, chiếm 2,7%; hộ cận nghèo là 79, chiếm 4,63%. [74, tr.4]

Năm 2018 qua kết quả điều tra khảo sát thì tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm xuống. Hộ nghèo 34 hộ, chiếm 1,99%; hộ cận nghèo là 57 hộ, chiếm 3,34%. Kết quả trên cho ta thấy được việc áp dụng phương pháp giảm nghèo đa chiều là thật sự cần thiết và phù hợp với thực tiễn. [73, tr.5]

Đến năm 2019 Kết quả sau điều tra, khảo sát hộ nghèo đa chiều cho thấy tỷ lệ hộ nghèo giảm dần: tỷ lệ hộ nghèo: 1,53%, hộ cận nghèo: 2,47%

Như vậy tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo có chiều hướng giảm xuống từ năm thứ hai thực hiện giảm nghèo theo cách tiếp cận đa chiều như sau: Tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 so năm 2016 giảm: 2,55%; Tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2019 so năm 2016 giảm: 4,33%. [75,tr.4]

2.3.4. Một số chính sách giảm nghèo đa chiều đã và đang được áp dụng tại xã Phước Lưu

Chính sách hỗ trợ sản xuất, dạy nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, cận nghèo

Tiếp tục thực hiện Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ

trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 202 [6] và Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND Tỉnh Tây Ninh về ban hành quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 – 2020.[66] Đối với xã vùng sâu ngoài chương trình 30a, chương trình 135 được áp dụng trên địa bàn xã đã thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo gồm: trao 35 bình xịt thuốc, 5 máy xay nước mía, 04 máy sạ lúa, 10 máy rữa xe, 20 con bò. Trị giá 450 triệu đồng.

Thực hiện Đề án số 01/ĐA-MTTQ-BTT của Ban Thường trực UB.MTTQVN tỉnh Tây Ninh về việc hỗ trợ trâu/bò sinh sản cho hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2020 [35] , xã đã tổ chức trao 45 con bò sinh sản cho hộ nghèo, trị giá 900 triệu đồng.

Bên cạnh đó phối hợp với Phòng Lao Đông Thương Binh xã hội huyện, trường dạy nghề khu vực Nam Tây Ninh đã đào tạo nghề, tư vấn, giải quyết việc làm cho 412 lao động nằm trong hộ nghèo.

Tổ chức vận động khám bệnh cho 361 lượt hộ nghèo, trị giá 72 triệu đồng; vận động tặng 4.110 phần quà, trị giá 302 triệu đồng; 11 xe lăn cho hộ nghèo, gia đình chính sách, trị giá: 92 triệu đồng. Ngoài ra còn vận động tặng 31 thẻ bảo hiểm y tế cho hộ khó khăn (hộ mới thoát nghèo), trị giá 17,6 triệu đồng.

100% hộ nghèo được cấp tiền điện, nước sinh hoạt; miễn nộp thuế nhà đất, được miễn giảm học phí, đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Chính sách hỗ trợ giáo duc

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010; Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [7]; Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy

định mức đóng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giãm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là hộ nghèo trên địa bàn Tỉnh [65], đã chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh mẫu giáo và học sinh phổ thông nghèo là 1.226 hồ sơ với số tiền trên 800 triệu đồng; hỗ trợ vay vốn cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền 1.8 tỷ đồng.

Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo

Hỗ trợ vay vốn Ngân hàng chính sách lãi suất thấp. Điển hình như mức vay tối đa đối với hộ nghèo từ ngày 6/4/2007 đến ngày 30/4/2014 cho một hộ nghèo là 30 triệu đồng nhưng từ ngày 01/5/2014 đến nay mỗi hộ là 50 triệu đồng. Lãi suất cho vay là 0,6%/ tháng. Thời hạn cho vay ngắn hạn tối đa là 12 tháng, trung hạn tối đa là 60 tháng. Sau đó Chính Phủ có Quyết định 750/QĐ-TTg ngày 1/6/2015 về việc điều chỉnh giãm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Việt Nam, bắt đầu từ ngày 5/6/2015 lãi suất từ 7,2%/năm (0,6%/tháng) xuống còn 6,6%/ năm (0,55%/ tháng) [54] đã giải ngân cho 494 hộ nghèo được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 6 tỷ 153 triệu đồng.

Phối hợp Ngân hàng chính sách xã hội huyện tặng sổ tiết kiệm từ 3 đến 5 triệu đồng/ hộ. Kết quả đã tặng 32 hộ nghèo, trị giá 105 triệu đồng .

Chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt

Hỗ trợ về nhà ở: Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 22/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, toàn xã đã hỗ trợ được 73 hộ nghèo khó khăn về ở với tổng số tiền hỗ trợ từ các nguồn vốn khoảng 3 tỷ 821 triệu đồng. [53] Bên cạnh đó, Ủy ban MTTQ và các hội, đoàn thể đã vận động " Quỹ vì người nghèo" xây tặng được 118 nhà cho đoàn viên, hội viên nghèo. Trị giá 5 tỷ 520 triệu đồng.

Hỗ trợ đất ở: Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ nghèo từ năm 2015 - 2019 với tổng số tiền 3,8 tỷ đồng, địa phương đã đầu tư xây dựng được 4 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Các công trình khi bàn giao đưa vào sử dụng đã góp phần nâng tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Từ năm 2015 đến nay, đã có trên 550 lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí với các hình thức hỗ trợ đa dạng như tư vấn pháp luật, phổ biến pháp luật, cấp miễn phí tờ rơi, bằng đĩa pháp luật. Các hoạt động trợ giúp pháp lý đã cơ bản đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu pháp luật, tư vấn kịp thời những vướng mắc cho người dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng thuộc diện được thụ hưởng.

2.4. Đánh giá kết quả giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu

2.4.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo đa chiều đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo và có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, đã tập trung chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã, đề ra ngay trong Nghị quyết đại hội Đảng về tiêu chí phấn đấu giảm dần tỷ lệ hộ nghèo cho từng năm của toàn xã và đạt được kết quả cụ thể như: tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm nhiều qua từng năm, các chỉ số thiếu hụt của các chiều dịch vụ xã hội đều giảm theo từng năm cơ bản đáp ứng mục tiêu đề ra.

Chính sách về tín dụng ưu đãi: đã có tác động quan trọng tới giảm nghèo, giúp người nghèo phát triển sản xuất kinh doanh là giải pháp quan trọng trong giảm nghèo và tạo việc làm. Phần lớn số hộ được vay vốn cho rằng vốn vay đã có tác động tích cực đến tăng thu nhập và góp phần cải thiện cuộc sống cho hộ gia đình, những hộ vay vốn đã có điều kiện mua sắm thêm các phương tiện, công cụ sản xuất như trâu, bò, máy móc phục vụ sản xuất.

Chương trình giảm nghèo bền vững đã thu hút được sự tham gia, hưởng ứng đông đảo của toàn xã hội. Vận động Quỹ "Vì người nghèo" của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các phong trào của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên… với nhiều phong trào, nhiều mô hình mới cách làm hay mang lại hiệu quả thiết thực và được nhân rộng đã thu hút đông đảo sự quan tâm và giúp đỡ của các cá nhân, cộng đồng, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là sự đóng góp của người dân ở cộng đồng

dân cư đã đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu của chương trình, mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác truyền thông về giảm nghèo đa chiều đã góp phần tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền ở khu vực vùng sâu, vùng nông thôn. Tăng cường tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn tạo ra khả năng tiếp cận thông tin thường xuyên, kịp thời giúp bà con đổi mới tư duy, nâng cao năng lực sản xuất góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo bền vững góp phần tạo điều kiện cho người nghèo nói riêng và toàn xã hội nói chung ngày càng nắm rõ các chính sách, chế độ liên quan đến giảm nghèo như cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ về nhà ở, vay vốn tín dụng, miễn, giảm học phí.....

Công tác xây dựng kế hoạch, bình chọn đối tượng thụ hưởng được thực hiện công khai, dân chủ, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và nhu cầu của người dân.

Các nguồn vốn cho vay ưu đãi đáp ứng được nhu cầu vay vốn làm ăn của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động nghèo được quan tâm đẩy mạnh. Đạt và vượt kế hoạch hàng năm.

Công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tại xã được duy trì hàng quý, qua đó đã kịp thời nắm bắt tình hình đời sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo, từ đó có giải pháp thích hợp để hỗ trợ các hộ đạt hiệu quả.

Nguyên nhân:

Địa phương đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau, phong phú, đa dạng về nội dung, cách thức, sử dụng các phương tiện truyền thông qua đài phát thanh, truyền hình; qua báo chí; qua các bản tin của xã; qua các lớp tập huấn; qua các buổi họp ấp, tổ dân cư tự quản để tuyên truyền, vận động một cách sâu rộng đến người dân nên chủ trương, chính sách về giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững nhanh chóng đi vào cuộc sống người dân, tạo ra hiệu ứng sâu rộng, làm chuyển biến nhận thức của các hộ nghèo và tự ý thức về ý nghĩa tự vươn

lên thoát nghèo, phần nào góp phần khắc phục tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của xã hội, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Có sự phân công rõ ràng cho từng thành viên Ban chỉ đạo đạo giảm nghèo của xã phụ trách từng ấp nắm rõ địa bàn, hoàn cảnh sống của hộ nghèo từ đó có những biện pháp, mô hình phù hợp để giúp đỡ chăm lo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.4.2. Những tồn tại , hạn chế

2.4.2.1. Tỷ lệ hộ nghèo có giảm nhưng chưa thật sự bền vững

Tổng số hộ nghèo có giảm nhưng tính bền vững chưa cao, số hộ thoát nghèo có mức thu nhập còn thấp chưa có tích lũy; thiếu điều kiện để đảm bảo tính bền vững, do xã nghèo, khó khăn, sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, dựa vào khí hậu thời tiết. Tình trạng độc canh, chăn nuôi theo phương thức lạc hậu vẫn còn, từ đó năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, các ngành nghề truyền thống chưa được phát huy.

Thực tế một vài chính sách, dự án giảm nghèo chưa thực sự hiệu quả vì nhận thức của người nghèo, người dân còn ỷ lại, muốn thụ hưởng những lợi ích trước mắt, không muốn tham gia các chương trình như: dự án dạy nghề cho người nghèo theo đề án 1956, hỗ trợ mua BHYT tự nguyện cho người cận nghèo, vốn vay xóa đói giảm nghèo,... Theo báo cáo của Phòng lao động thương binh xã hội huyện, trong quá trình thực hiện Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, vay vốn giải quyết việc làm, hỗ trợ đất cho thanh niên lập nghiệp tại Làng Thanh niên lập nghiệp cho thấy, một khoản không nhỏ kinh phí để thực hiện đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề (nhất là các nghề phi nông nghiệp) cho người dân không thể giải ngân, quyết toán, phải trả lại ngân sách vì người nghèo không muốn được đào tạo, không muốn chuyển đổi nghề. Do không có điều kiện tiếp cận thông tin nên khả năng nhận thức và hiểu biết về các chính sách giảm nghèo đa chiều vẫn còn nhiều hạn chế. Lý do là bà con đã quen sống bằng nghề nông, làm rẫy, làm ruộng, nuôi trâu, bò, giờ không có đất thì đi làm thuê, không quen làm nghề khác.

Theo tác giả điều tra, phỏng vấn khi công tác tại địa phương được hỏi về

các chương trình, chính sách về GNĐC, phần lớn hộ nghèo đều trả lời không biết đến các chính sách. Xem cụ thể qua Bảng 2.13.

Bảng 2.13. Tổng hợp kết quả về tiếp cận các chính sách GNĐC năm 2018

Được biết về chính sách	**Tần suất**	**Tỷ lệ (%)**
Chương trình 135	9	16,37
Quyết định số 1722/2016 QĐ-TTg ngày 02 /9 /2016 của Thủ Tướng Chính Phủ	11	20
Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008	12	21,81
Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 9/10/2017	14	25,45
Các chương trình khác	9	16,37
Tổng cộng	55	100

Nguồn: Kết quả khảo sát trên địa bàn Xã Phước Lưu- Huyện Trảng Bàng

Hiện nay các chính sách, dự án thực hiện chủ yếu bằng nguồn vốn phân bổ của tỉnh. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí và định mức thực hiện một số chính sách, dự án cho hộ nghèo còn thấp, dàn trải và phân bổ hàng năm rất chậm như: Chính sách hỗ trợ tiền điện, nguồn vốn phân bổ để thực hiện mô hình giảm nghèo còn thấp so với nhu cầu vì vậy người dân không có vốn đối ứng để thực hiện dự án. Riêng nguồn kinh phí cấp từ tỉnh đến xã chưa bố trí được theo kế hoạch ở nhiều nội dung như: mô hình điểm, tập huấn nghiệp vụ, truyền thông giảm nghèo, giám sát. Nhìn chung quá trình thực hiện GNĐC vẫn chưa khai thác, huy động được nhiều nguồn lực tại chỗ, chưa phát huy được nội lực trong dân và chính bản thân người nghèo; quan điểm trông chờ, ỷ lại vào vào nguồn vốn ngân sách vẫn còn tồn tại ở địa phương và người nghèo. Công tác quản lý hộ nghèo ở xã chưa chặt chẽ; thông tin báo cáo chưa đầy đủ, kịp thời, thiếu chính xác.

Như vậy, từ thực trạng nêu trên cho thấy, mặc dù công tác GNĐC trong những năm qua đối với hộ nghèo đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần

nâng cao đời sống, tuy nhiên, kết quả giảm nghèo chưa bền vững (theo số liệu điều tra của tác giả để thực hiện Đề tài thì có tới 80% số người được hỏi trả lời là kết quả giảm nghèo chưa bền vững), số hộ thoát nghèo giảm dần, số hộ phát sinh và tái nghèo vẫn ở mức cao; chất lượng cuộc sống của nhóm hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo còn khó khăn và dễ dàng rơi xuống nghèo khi có những biến cố bất lợi xảy ra như mất mùa, thất nghiệp, có người ốm đau bệnh tật,... Tổng số hộ nghèo có giảm nhưng thiếu tính bền vững, số hộ thoát nghèo mức thu nhập còn thấp, chưa có tích lũy; thiếu điều kiện để đảm bảo bền vững.

2.4.2.2. Hộ Nghèo không muốn phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững Qua kết quả tác giả phỏng vấn khi tham gia các cuộc họp chi đoàn, chi hội,

tổ dân cư ở ấp tác giả đã gặp gỡ trao đổi với hộ nghèo, cận nghèo về ý thức khả năng thoát nghèo đối với từng hộ thì được tổng hợp như (bảng 2.14)

Bảng 2.14. Tổng hợp ý thức khả năng thoát nghèo năm 2018 Xã Phước Lưu

	Tần xuất (hộ)	Tỷ lệ (%)
Muốn thoát nghèo	13	23,63
Không muốn thoát nghèo	23	41,82
Không có điều kiện thoát nghèo	19	34,55
Tổng cộng	55	100

Nguồn: *Kết quả khảo sát trên địa bàn Xã Phước Lưu- Huyện Trảng Bàng*

Qua phân tích cho thấy 41,82% hộ nghèo vẫn không muốn thoát nghèo vì họ nghĩ rằng có tên trong danh sách hộ nghèo thì họ được rất nhiều quyền lợi như: con cái đi học được miễn, giãm học phí, được bảo hiểm y tế, tặng quà, hỗ trợ tiền điện, nước, xây nhà đại đoàn kết… từ đó tình trạng tách hộ, nhất là con tách bố mẹ ra ở riêng, hộ khẩu riêng để được hộ nghèo vẫn còn tồn tại. Một số ít hộ nghèo còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội.

Có đến 34,55% hộ nghèo không có điều kiện thoát nghèo vì hầu hết các hộ nghèo thường có chung hoàn cảnh là tình trạng đông con không được đầu tư học

hành, thiếu phương tiện và tư liệu sản xuất, diện tích nhà ở chật hẹp, không có

phương án làm ăn hiệu quả, thiếu ý thức, không có điều kiện đầu tư trang bị kiến thức, tay nghề để nâng cao chất lượng và năng suất lao động, bằng lòng với cuộc sống hiện tại, không chịu khó làm ăn dẫn đến thất nghiệp và va vào tệ nạn xã hội, một số hộ khác có vươn lên đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập còn nằm sát chuẩn nghèo khá nhiều nên nguy cơ tái nghèo cao.

2.4.2.3. Tổ chức thực hiện một số chính sách GNĐC và huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư vào thực hiện chính sách GNĐC chưa nhiều

Một số chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo chưa được thực hiện tốt. Việc triển khai thi công một số công trình đầu tư cho các xã nghèo ở vùng nông thôn, vùng sâu chưa được đầu tư và chất lượng công trình chưa đảm bảo, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ như: Đường giao thông nông thôn tuyến An Thạnh – Trà Cao dài khoảng 17km , nhiều năm qua xuống cấp trầm trọng. Mặc dù đã nhiều lần được sữa chữa mà vẫn chưa được đầu tư mới; nhiều cầu giao thông nông thôn hư hỏng mà chưa được xây mới, trường học chưa đạt chuẩn quốc gia, nhà văn hóa ấp chưa được xây theo chuẩn nông thôn mới theo diện tích từ 300 - 500 m^2…

Một số dự án triển khai thực hiện chưa thực sự hiệu quả như đối với việc thực hiện ngoài Chương trình 30a và 135: công tác chỉ đạo, tham mưu của các ngành chủ động, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ từ người dân được thụ hưởng chương trình từ khâu lập kế hoạch, xác định đối tượng thụ hưởng, nguyên tắc quản lý đầu tư tài chính; công tác báo cáo, kiểm tra, giám sát được tổ chức ở nhiều cấp, do nhiều đơn vị thực hiện đã góp phần vào thực hiện chương trình có hiệu quả.Tuy nhiên, một số đơn vị chưa thực sự chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND xã trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách dẫn đến tình trạng chậm tiến độ. Việc phân cấp cho xã làm chủ đầu tư là đúng chủ trương của Chính phủ, song ban quản lý cấp xã chưa đảm đương được nhiệm vụ, năng lực, trình độ cán bộ cấp xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý hồ sơ của dự án và giám sát, duy tu bảo dưỡng công trình. Theo báo cáo của Thanh

tra Nhà nước huyện năm 2019, sau kết luận thanh tra do thiếu kiểm tra, giám sát cán bộ quản lý nên dẫn đến cán bộ xã bị kỷ luật do lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm, đã có một số trường hợp lợi dụng, gian lận, bớt xén, trong quá trình mua, cấp phát hỗ trợ bằng hiện vật cho người dân.

Kết quả điều tra của tác giả đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo về kết quả thực hiện các chính sách GNĐC trên địa bàn năm 2017 như ở (bảng 2.15) ý kiến đánh giá là rất hiệu quả là 25,46%; có hiệu quả nhưng chưa cao chiếm tới 63,64%; đánh giá là không có hiệu quả là 10,90%.

Bảng 2.15. Ý kiến đánh giá về kết quả thực hiện các chính sách GNĐC

	Tần xuất	**Tỷ lệ (%)**
Rất hiệu quả	14	25,46
Có hiệu quả nhưng chưa cao	35	63,64
Không hiệu quả	6	10,90
Tổng	55	100

Nguồn: *Kết quả khảo sát trên địa bàn Xã Phước Lưu- Huyện Trảng Bàng*

Kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư cho xã nghèo, xã nông thôn khó khăn chưa tương xứng với nhu cầu thực tế. Địa phương chưa xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý, chủ yếu vẫn canh tác manh mún, thiếu tính chiến lược. Chưa khai thác triệt để và tận dụng các tiềm năng, lợi thế của địa phương. Các sản phẩm nông nghiệp xuất ra của người dân còn gặp nhiều khó khăn chưa có thương hiệu hàng hóa, chất lượng sản phẩm chưa cao.

Qua quá trình công tác tại địa phương, tác giả đã nhiều lần đi kiểm tra, khảo sát thực tế các đối tượng thụ hưởng chính sách này, cho thấy việc hỗ trợ trực tiếp cho người dân có thể giúp giải quyết nhu cầu cần thiết, trước mắt, nhưng không mang tính bền vững. Một bộ phận hộ dân không ý thức được mục đích, ý nghĩa của chính sách,từ đó trông chờ, ỷ lại, không có động lực để phấn đấu, lao động sản xuất.

Bảng 2.16. Có cần thiết tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án GNĐC đối với hộ nghèo nữa không?

	Tần xuất	Tỷ lệ (%)
Cần thiết	33	60
Không cần thiết	5	9,09
Rất cần thiết	17	30,90
Tổng	55	100

Nguồn: *Kết quả khảo sát trên địa bàn Xã Phước Lưu- Huyện Trảng Bàng*

Kết quả điều tra năm 2017 của tác giả đối với cán bộ lãnh đạo phụ trách công tác giảm nghèo, cán bộ chuyên môn, các ngành đoàn thể như hội nông dân, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, người cao tuổi…cho thấy có tới 60 % số người được hỏi yêu cầu tiếp tục thực hiện các chính sách GNĐC.

2.4.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo kết quả khảo sát hàng năm, tuy nhiên chưa thật sự bền vững do số hộ thoát nghèo có mức thu nhập còn thấp chưa có tích lũy được nhưng lại dễ dàng rơi xuống nghèo khi có những biến cố bất lợi xảy ra như: mất mùa, thất nghiệp, có người ốm đau bệnh tật,... nên số hộ nghèo có giảm nhưng thiếu tính bền vững. Bên cạnh đó thiếu điều kiện để đảm bảo tính bền vững là do xã nghèo, khó khăn, trên 80% sản xuất chủ yếu dựa vào nông nghiệp, dựa vào khí hậu thời tiết. Tình trạng độc canh, chăn nuôi theo phương thức lạc hậu vẫn còn, từ đó năng suất cây trồng, vật nuôi thấp, các ngành nghề truyền thống chưa được phát huy.

Xuất phát điểm về kinh tế- xã hội của xã là rất thấp; nguồn lực đầu tư của công tác giảm nghèo đa chiều chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước, từ các chương trình, dự án, đề án…. như ngoài chương trình 30a, 135 của Chính phủ; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số167/2008/QĐ-TTg ngày 22/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; Đề án 01ĐA/MTTQ của Mặt trận tổ quốc tỉnh Tây

Ninh hỗ trợ trâu/ bò sinh sản cho hộ nghèo, … mà chưa phát huy được nguồn vốn vận động tại chỗ. Tuy nhiên tiến độ giải ngân các nguồn vốn trong đó có vốn ngoài Chương trình 135, Chương trình 30a, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn chậm từ khi triển khai đến khi người dân nhận được nguồn vốn thì không còn phù hợp với điều kiện để thực hiện hoặc có sự chênh lệch giá cả thị trường…gây khó khăn cho người nghèo.

2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Cấp ủy, chính quyền địa phương cơ sở chưa thực sự quyết liệt trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác giảm nghèo, chưa gắn kết giảm nghèo đa chiều với xây dựng nông thôn mới. Vai trò của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo xã còn mờ nhạt; sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể và địa phương trong chỉ đạo thực hiện Chương trình chưa thật sự chặt chẽ. Trình độ, năng lực cán bộ cấp xã còn hạn chế dẫn đến lúng túng trong việc tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án. Điển hình như ngoài chương trình 30a, 135 của Chính phủ một số cán bộ xã chưa đảm đương được nhiệm vụ, năng lực, trình độ cán bộ cấp xã còn hạn chế, ảnh hưởng đến công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý hồ sơ của dự án và giám sát, duy tu bảo dưỡng công trình nên dẫn đến cán bộ xã bị kỷ luật do lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo, thiếu trách nhiệm.

Việc điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm của xã còn thiếu chặt chẽ, chưa đúng quy định nên chưa phản ánh được khách quan, đầy đủ về tình hình nghèo, nguyên nhân nghèo tại địa bàn dẫn đến việc xây dựng kế hoạch và thực hiện chính sách chưa phù hợp, chưa đúng với đối tượng. Đơn cử, hàng năm, tỷ lệ hộ nghèo đều giảm đạt theo kế hoạch nhưng tỷ lệ tái nghèo, phát sinh nghèo cao, kết quả giảm nghèo chưa bền vững (theo thống kê của xã cứ 2-3 hộ thoát nghèo thì có 1 tái nghèo hoặc phát sinh nghèo),những hộ mới thoát nghèo đời sống còn gặp nhiều khó khăn, khi gặp thiên tai,mất mùa, bệnh tật, rủi ro trong cuộc sống hoặc khi thay đổi tiêu chuẩn đánh giá dễ dẫn đến tái nghèo. Theo chuẩn nghèo đa chiều đầu nhiệm kỳ 2015-2020 tỷ lệ hộ nghèo của xã lên đến 10%, là một trong những xã có tỷ lệ nghèo cao nhất huyện. Đời sống của nhân dân trong xã còn nhiều khó khăn.

Công tác tuyên truyền của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã được triển khai tích cực nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều người dân chưa nắm bắt kịp thời chế độ chính sách đối với hộ nghèo. Như qua phỏng vấn của tác giả đối với hộ nghèo được hỏi về các chương trình, chính sách về GNĐC, phần lớn hộ nghèo đều trả lời không biết đến các chính sách. Xem cụ thể qua Bảng 2.13 .

Tiểu kết chương 2

Chính sách giảm nghèo tiếp cận đa chiều theo hướng bền vững được triển khai thực hiện tại địa bàn xã đã góp phần đẩy nhanh tăng thu nhập, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho người nghèo tiếp cận với dịch vụ phúc lợi xã hội, sản xuất, kinh doanh, tự lực vươn lên thoát nghèo; từng bước nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng sống cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã. Xã Phước Lưu đã tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững thông qua việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách; duy trì chính sách; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức đánh giá, tổng kết việc thực hiện chính sách, vai trò, trách nhiệm của Ban chỉ đạo xã, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chính sách, do đó công tác giảm nghèo bền vững của xã trong giai đoạn 2015-2019 đạt những kết quả như đã báo cáo, xã đã thực hiện hoàn thành mục tiêu giảm hộ nghèo theo chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng, nhiệm kỳ 2015-2020.Tuy nhiên, chương trình giảm nghèo vẫn còn những hạn chế như: số hộ vừa thóat nghèo nhưng thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn nhiều, nguy cơ tái nghèo cao, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao năm 2019 là 1,53 % so với tiêu chí nông thôn mới (dưới 1%).

Chương 3
MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHƯỚC LƯU – HUYỆN TRẢNG BÀNG – TỈNH TÂY NINH

3.1. Mục tiêu, phương hướng thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu – Huyện Trảng Bàng – Tỉnh Tây Ninh

3.1.1. Mục tiêu về giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu

3.1.1.1. Mục tiêu chung

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo đã được cấp ủy, chính quyền ở địa phương luôn quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và đã đạt được những kết quả quan trọng trong thực hiện mục tiêu chung của Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 là: Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền trong công tác giảm nghèo; ý thức của người dân tự vươn lên thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; tiếp tục cải thiện đời sống tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Đồng thời tạo cho người nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế , giáo dục, nhà ở nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).

Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4,08%, hộ cận nghèo 6,8% năm 2016 còn dưới 1% đối với hộ nghèo và 2% đối với hộ cận nghèo vào năm 2020 để đạt tiêu chí nông thôn mới, đồng thời đúng theo chuẩn nghèo quy định tại số 59/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của thủ Tướng Chính Phủ về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2016-2020 tiến tới ổn định tỷ lệ hộ nghèo tối thiểu, thường xuyên tồn tại khách quan trong quá trình vận động phát triển kinh tế- xã hội.

3.1.1.2. Mục tiêu cụ thể:

Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 2 - 2,5%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1,5- 2%/ năm.

Nâng cao mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo đến năm 2020 với các chỉ tiêu phấn đấu như sau: Đảm bảo 100% hộ nghèo, cận nghèo được

cấp thẻ bảo hiểm y tế; 80% hộ nghèo có người từ 15 đến dưới 30 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở và đi học; 98% hộ nghèo có trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; 80% hộ nghèo có nhà ở đảm bảo chất lượng; 95% hộ nghèo được đảm bảo về diện tích nhà ở ; 95% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh; có 90% hộ nghèo có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; 95% hộ nghèo được sử dụng dịch vụ viễn thông; 90% hộ nghèo có tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

Hỗ trợ 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn ưu đãi theo nhu cầu thực tế để phát triển sản xuất; 80% lượt hộ nghèo và hộ cận nghèo được tập huấn khuyến nông, dạy nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất.

100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, khó khăn, vùng sâu… được hưởng chính sách, miễn giảm học phí theo quy định.

Hỗ trợ nhà ở cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu cần nhà ở theo quy định của chính Phủ.

Trợ giúp pháp lý 100% cho hộ nghèo, hộ cận nghèo khi có nhu cầu tư vấn pháp lý.

100% cán bộ công chức cấp xã, trưởng ấp và cán bộ đoàn thể được tập huấn về kiến thức, kỷ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án…liên quan đến công tác chăm lo cho hộ nghèo.

Gắn các mục tiêu giảm nghèo với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới với các chính sách an sinh xã hội.

3.2. Phương hướng thực hiện giảm nghèo của xã Phước Lưu đến năm 2020

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đặt ra, ngay từ năm đầu triển khai giảm nghèo đa chiều, UBND xã đã từng bước tập trung, chủ động đổi mới cách tiếp cận, các giải pháp hỗ trợ nhằm tiến tới thực hiện giảm nghèo bền vững. Trên cơ sở hoàn thành việc điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều, phân tích nguyên nhân nghèo để phân loại đối tượng và có hướng hỗ trợ phù hợp, theo thứ tự ưu tiên. Ngoài nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo gắn công tác giảm nghèo với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Phước Lưu còn triển

khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách về giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương để tập trung phát triển sản xuất, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo. Duy trì và nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả để luân chuyển cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia, khuyến khích người dân phát triển sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị, thương hiệu phục vụ nhu cầu thị trường. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất theo mô hình liên kết từ sản xuất, chế biến cho đến tiêu thụ sản phẩm tạo thành chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp để người nghèo tham gia. Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

Cùng với đó, tranh thủ nguồn vốn đầu tư từ cấp trên xã tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất; ưu tiên hỗ trợ đầu tư các công trình gắn với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận dịch vụ thông tin... Huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững đảm bảo người nghèo được thụ hưởng đúng, đủ, kịp thời các chính sách. Đặc biệt coi trọng vai trò của người dân, nhất là hộ nghèo, đảm bảo sự tham gia của người dân và hộ nghèo trong việc giám sát và đánh giá các hoạt động công tác giảm nghèo.

Với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đặt ra cụ thể cùng sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, UBND xã, sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của cộng đồng cùng vào cuộc thì xã Phước Lưu sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu về giảm nghèo, góp phần thực hiện thành công Đề án thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 - 2020 và hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XI đề ra.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều tại xã Phước Lưu đến năm 2020 và những năm tiếp theo

Một là: Cần tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ở địa phương sau thời gian thực hiện. Từ đó rút ra những kinh nghiệm từ những thuận lợi và hạn chế trong thực tế để thực hiện việc đánh giá đúng thực trạng hộ nghèo, các chính sách đã thực hiện đối với hộ nghèo, đồng thời nhân rộng các mô hình, phong trào tiêu biểu đạt hiệu quả trong công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Để áp dụng và thực hiện tốt các phương pháp xây dựng chuẩn nghèo đa chiều và thực hiện tốt tính bền vững trong chính sách giảm nghèo đa chiều thì cần triển khai theo đúng tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Nghị định số 76/2014/QH13, kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII; Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19-12-2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15-9-2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể "Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020". Đó là những cơ sở pháp lý hết sức quan trọng và cần thiết cho việc tiếp cận phương pháp đo lường giảm nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho chương trình giảm nghèo của nước ta trong giai đoạn 2016-2020.

Hai là: Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo hỗ trợ vốn ưu đãi cho người nghèo có điều kiện sản xuất, chăn nuôi; đào tạo nghề, tạo việc làm mới; hỗ trợ bò sinh sản như hỗ trợ cây con giống, vật tư nông nghiệp, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ theo hướng sản xuất hàng hóa, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện công tác khuyến nông để người nghèo được tiếp cận và tham gia, tăng thu nhập cho người nghèo. Khi phê duyệt chương trình, dự án có phương án gắn vốn hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình Giảm nghèo bền vững với vốn đối ứng của người dân và nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, vốn hỗ trợ từ các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp trên địa bàn để tăng năng lực sản xuất của các hộ tham gia dự án. Sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án bảo đảm đúng đối tượng và có hiệu quả.

Các chính sách cần được thiết kế bảo đảm sự thống nhất về cơ chế hỗ trợ, mức hỗ trợ giống nhau đối với các đối tượng giống nhau, tránh trùng lắp cũng như bỏ sót đối tượng. Giảm dần các chính sách hỗ trợ cho không, tăng cường chính sách hỗ trợ cho vay có điều kiện, có thời hạn để khắc phục tình trạng không muốn thoát nghèo.

Ba là: Thực hiện giảm nghèo có kết quả phải xuất phát từ nguyên nhân dẫn đến nghèo của các hộ gia đình như: thiếu vốn, thiếu lao động, thiếu đất sản xuất, không biết làm ăn, trình độ học vấn…, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ phù hợp, đồng thời phải phân công cụ thể thành viên Ban Chỉ đạo giảm nghèo và các tổ chức chính trị- xã hội trực tiếp giúp đỡ hộ nghèo để thoát nghèo bền vững.

Bốn là: Phát động mạnh mẽ phong trào đóng góp Quỹ "Vì người nghèo" và huy động nguồn kinh phí từ xã hội hóa đến mọi tổ chức kinh tế, xã hội, các tầng lớp dân cư, nhằm huy động nguồn lực chia sẻ trách nhiệm cộng đồng để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở. Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016 – 2020, tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

Năm là: Đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền và trong các tầng lớp nhân dân về tiêu chí tiếp cận nghèo đa chiều, mục tiêu của giảm nghèo bền vững; khơi dậy ý chí chủ động, tự vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo.

Sáu là: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở xã, cộng tác viên điều tra ở ấp, đặc biệt là đối với xã nghèo, xã vùng sâu để thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội: về hỗ trợ y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; trợ giúp pháp lý trên cả 2 phương diện: đầu

tư nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ và thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo qui định.

Bảy là: Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo, ý thực tự chủ, tự phấn đấu, tinh thần tự lực của người dân trong quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát nhằm nâng cao tính hiệu quả và tính bền vững của các chính sách giảm nghèo. Bên cạnh đó, cần đổi mới tư duy, nhận thức để thực hiện cam kết giảm nghèo, như tinh thần Nghị quyết số 80/CP về giảm nghèo bền vững và Nghị quyết số 26-NQ/TW (Khóa X) của Ban Chấp hành trung ương là đưa người dân trở thành chủ thể của quá trình phát triển. Khuyến khích sự tham gia của người dân để bảo đảm mọi người đều có đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy giảm nghèo bền vững.

3.4. Kiến nghị, đề xuất

3.4.1. Kiến nghị

Từ thực tiễn thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều tại xã Phước Lưu, để góp phần thực hiện tốt hơn nữa công tác giảm nghèo đa chiều, giúp hộ nghèo tự phấn đấu bằng năng lực vươn lên thoát nghèo bền vững, tránh tái nghèo và phát sinh nghèo trong thời gian tới, tác giả có một số kiến nghị như sau:

Đối với các hộ gia đình:

Không nên dựa dẫm, trông chờ vào các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, mà cần phải bắt đầu từ sự ý thức, chủ động tìm kiếm, nắm bắt cơ hội đổi hướng làm ăn, nỗ lực, để thoát nghèo bền vững.

Cần chủ động và tích cực tham gia giảm nghèo theo hướng đa chiều nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần bằng nhiều hình thức như cập nhật các kiến thức về kinh tế nông nghiệp, văn hoá, khoa học kỹ thuật, công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao hiểu biết.

Đối với cấp huyện:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục giúp những người nghèo biết tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và các chính sách, chế độ ưu đãi của Nhà nước, hướng dẫn cho họ biết xây dựng kế hoạch, biết khai thác các điều kiện được hỗ trợ

vay vốn và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả theo các chương trình tín dụng ưu đãi, tham gia học nghề, xuất khẩu lao động… Đổi mới, đa dạng hóa hình thức thông tin tuyên truyền, nâng cao chất lượng tuyên truyền thực hiện giảm nghèo theo hướng bền vững.

Triển khai, nhân rộng một số mô hình có hiệu quả giúp người dân tiếp cận với khoa học kỹ thuật, khuyến khích tham gia cải thiện khoa học kỹ thuật trong sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi.

Xác định mục tiêu phù hợp với các hộ khó khăn để tạo động lực cho vươn lên, từng bước vượt qua tâm lý ỷ lại, thụ động, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Đối với cấp tỉnh:

Chỉ đạo việc tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo phân loại hộ nghèo,cận nghèo theo 2 nhóm: Nhóm 1 là hộ nghèo có khả năng thoát nghèo (để thực hiện chính sách giảm nghèo); nhóm 2 là hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo (để thực hiện chính sách bảo trợ xã hội). Đồng thời đề nghị trong thời gian tới có chính sách cho phép những hộ nghèo thuộc diện nghèo vĩnh viễn (hộ thuộc diện già cả hết tuổi lao động, neo đơn, bệnh tật, hộ đơn thân nuôi con còn nhỏ, tàn tật..) không có điều kiện và khả năng thoát nghèo được tách ra khỏi diện hộ nghèo để được xét hưởng trợ cấp thường xuyên, ổn định cuộc sống. Như vậy tỷ lệ hộ nghèo của xã cũng được giảm xuống, mà hộ nghèo được chuyển qua hưởng bảo trợ xã hội chế độ cũng phù hợp đảm bảo cuộc sống.

Đội ngũ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo, nhất là ở xã đều kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách, ở xã do cán bộ văn hóa và xã hội kiêm nhiệm làm rất nhiều việc về lao động, chính sách người có công, bảo trợ xã hội, chính sách xã hội , quản lý hộ nghèo, đào tạo nghề và việc làm….Để có hiệu quả hơn nữa đề nghị Tỉnh xem xét bố trí ở mỗi xã có một cán bộ chuyên trách xóa đói giảm nghèo và được hưởng các chế độ chính sách như cán bộ, công chức cấp xã.

Có chính sách khen thưởng thường xuyên và đột xuất thoả đáng đối với hộ nghèo và đối với xã nghèo đã nỗ lực vươn lên thoát nghèo bền vững để động viên

kịp thời và làm gương, khuyến khích các hộ nghèo, xã nghèo tạo nên một phong trào thi đua sâu rộng trong toàn dân. Qua đó có thể khai thác mọi nguồn lực, moi tiềm năng, thế mạnh góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo có hiệu quả và bền vững.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, tập trung giải quyết kịp thời những khó khăn tồn tại ở cơ sở.

Kiến nghị nên bỏ hẳn chính sách "cho không", mà tăng các chính sách ưu đãi, cho vay, khích lệ tinh thần và ý chí mong muốn vươn lên làm giàu của người dân thuộc diện hộ nghèo.

Đối với cấp Trung ương:

Nhà nước cần thống nhất việc ban hành các quy định về văn bản dưới luật của các bộ, ngành liên quan đến vấn đề giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững, khắc phục tình trạng thực hiện quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững, thiếu tính chặt chẽ, thống nhất về các văn bản pháp lý giữa các bộ, ngành chức năng, gây ra khó khăn trong quá thực hiện giảm nghèo đa chiều tại địa phương.

Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo đầu tư chưa hiệu quả, còn dàn trải, chồng chéo, trùng lặp chế độ, đối tượng trên cùng một địa bàn, việc hỗ trợ còn mang tính bình quân, mức hỗ trợ thấp, hiệu quả chưa cao; bố trí nguồn lực chưa hợp lý, lồng ghép hoạt động giữa chương trình, dự án giảm nghèo với các chương trình, dự án khác chưa gắn kết, đồng bộ.

Việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ giúp cho hộ nghèo có điều kiện thoát nghèo bền vững. Tuy nhiên với hình thức hỗ trợ giảm nghèo trực tiếp, nhất là đối với miền núi, vùng sâu, dân tộc thiểu số, hộ nghèo, thôn, xã và huyện nghèo đã làm mất đi động lực phấn đấu, tạo nên tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo trong một bộ phận hộ nghèo, kể cả cán bộ địa phương.

3.4.2. Đề xuất

Nâng cao năng lực, nguồn lực, tạo động lực cho người nghèo đó là gốc của vấn đề và cách giải quyết giảm nghèo bền vững là Nhà nước và nhân dân cùng làm, thực hành xã hội hóa đầu tư nguồn lực để nâng cao năng lực cho người nghèo và tạo

điều kiện môi trường, động lực phát triển cho họ, theo tác giả luận văn thì đó mới là phương pháp chủ yếu, căn cơ, dài lâu chứ không phải chạy theo những mục tiêu, tiêu chí cụ thể trước mắt…và một chiều chạy theo thành tích này. Những nội dung sau đây tác giả đề xuất để người nghèo có được năng lực cá nhân và nguồn lực xã hội giúp họ tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

Năng lực cá nhân để thoát nghèo bền vững:

Nghèo do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do thiếu năng lực, sức lao động tối thiểu. Nhưng thiếu năng lực này ngoài nguyên nhân khách quan là do thiên tai, dịch bệnh… thì đó còn do năng lực bản thân hạn chế như sức khỏe yếu, thiếu năng lực suy nghĩ và tự học hỏi, thiếu tính toán học hành, làm ăn.

Tại hội nghị ngày 10/1/2016, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, " gốc của vấn đề là nâng cao dâng trí, năng lực cho người dân thoát nghèo bền vững, chứ không chỉ lo cái ăn, cái mặc trước mắt. Đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đôn đốc các ban ngành chung tay thực hiện" [59] gốc của vấn đề là nâng cao sức khỏe, bản lĩnh, nâng cao dân trí, nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực làm việc. Nghĩa là dám nghĩ, dám làm, dám học hỏi, biết xoay trở, không chịu nghèo đói, có ý chí và quyết thoát nghèo mới là quan trọng nhất. giáo dục nâng đỡ, khuyến khích các ý chí đó, năng lực đó, việc làm đó của người dân. Tất nhiên tạo vốn và tạo cơ hội tìm kiếm việc làm là rất quan trọng.

Cho họ cái cần câu(nguồn lực) chứ không phải cho cá. Nhưng quan trọng hơn cần câu là sức khỏe và năng lực câu. Nên phải bày cho họ, nâng đỡ họ, giúp họ kỹ năng, tay nghề học cách câu, rèn luyện ý chí và biết cách, biết nơi câu cá. Chứ không phải chỉ cho họ cái cần câu(ví dụ qua phong trào Lục lạc vàng). Từ trước đến nay chúng ta thực hiện còn yếu việc căn cơ này. Đây là một nguyên nhân cơ bản làm cho việc giảm nghèo không chắc chắn, thiếu tính bền vững.

Điều kiện xã hội để thoát nghèo bền vững:

Mọi giải pháp căn cơ không kém là tạo nên điều kiện, môi trường văn hóa xã hội và cơ chế sao cho người nghèo có cơ hội và chớp được cơ hội thoát nghèo, tiến lên hộ khá. Đó là tạo ra cơ sở hạ tầng giao thông, hạ tầng xã hội, tạo vay vốn ban

đầu để họ có được nguồn lực và cơ hội vươn lên thoát nghèo. Đồng thời tạo ra môi trường dân chủ, công khai, công bằng xã hội không chỉ trong bình xét hộ nghèo mà cả trong đánh giá, khuyến khích họ thoát nghèo. Mặc khác, tạo điều kiện kinh tế, kỷ thuật và xã hội có chất lượng để họ ít bị rủi ro từ thiên tai, lũ lụt, ô nhiêm môi trường… đây chính là tạo nguồn lực xã hội cho người nghèo thoát nghèo bền vững chứ không chỉ là giúp vốn liếng để làm ăn. " Quốc gia sẽ mạnh nếu mọi người dân điều có cơ hội thoát nghèo như nhau. Hãy nhớ rằng, chẳng ai quen sống khổ" . [77] Đó chính là cách thức căn cơ nhất tạo ra năng lực cá nhân, sức lao động cá nhân và nguồn lực xã hội để họ thoát nghèo bền vững nhất. Như vây phải có sự đầu tư đồng bộ cả năng lực - nguồn lực và môi trường, dùng ngoại lực kích thích nội lực(vì hộ nghèo thường yếu về nội lực), phát huy nội lực và tạo nên sức mạnh tổng hợp để hộ nghèo thoát nghèo bền vững.

Giải quyết quan hệ giữa tiêu chí năng lực:

Tiêu chí năng lực, sức lao động và các tiêu chí, chỉ số cụ thể như thu nhập cũng như các điều kiện sống khác trong đánh giá và đầu tư. Ta thường căn cứ các yếu tố hữu hình để đánh giá như mức thu nhập, việc làm có hay không, học hành như thế nào, công trình vệ sinh ra sao, bảo hiểm y tế như thế nào… nhưng chúng ta ít chú ý năng lực, sức khỏe, khả năng làm việc, năng lực lao động, khả năng thoát nghèo của hộ nghèo như thế nào vì nó khó và hơi trừu tượng. Việc xem xét sức lao động có khả năng, có đủ sức lao dộng và không đủ sức lao động để thoát nghèo đa chiều hay không, cần phân loại cụ thể? Chính sự bỏ qua này nên khi đầu tư vào hộ nghèo thì không ít hộ không phát huy được. không giải quyết được vấn đề gốc thì có cho cần câu cũng ít tác dụng. Cho nên cần có chỉ số đánh giá sức lao động, năng lực lao động như thế nào thì mới thoát nghèo bền vững. Có tiêu chí phù hợp và điều tra, đánh giá khách quan, công tâm đúng đối tượng người nghèo, hộ nghèo không chỉ về các chỉ số cụ thể hữu hình mà cả chỉ số có tính gốc gác của vấn đề như sức lao động, khả năng lao động đã nói trên.

Làm sao để tạo động lực thoát nghèo bền vững:

Để tạo động lực thoát nghèo bền vững cho đúng, trúng đối tượng là vô cùng quan trọng. Trước hết là làm cho họ hiểu được ý nghĩa to lớn của các chương trình, dự án thoát nghèo bền vững, từ đó họ có động lực nội sinh để có động lực thoát nghèo bền vững là như thế nào. Động lực giảm nghèo/ thoát nghèo bền vững là thõa mãn nhu cầu thực tế từ mức cao hơn tối thiểu của họ và phù hợp với hoàn cảnh, năng lực của họ. Để tạo động lực cho giảm nghèo thì phải có tác động vào nhân tố nền tảng cốt lõi của nó. Những nhân tố tác động đến động lực thoát nghèo bền vững, trước hết đó là sự nhận thức, sự giác ngộ, hiểu biết, sự quyết tâm, ý chí, kiên trì của hộ nghèo, thông qua hệ thống truyền thông, công tác dân vận, sự tạo điều kiện cơ hội cụ thể của xã hội từ cộng đồng và chính quyền, hội đoàn các cấp mà cán bộ là người trực tiếp, dễ thấy nhất. Chính động lực kép đó vượt qua thách thức giảm nghèo đa chiều.

Hỗ trợ tài chính, cơ hội và nghề nghiệp:

Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo đa chiều, nhất là nguồn lực tài chính cần huy động không chỉ từ nguồn lực Nhà nước và xã hội, mà phải đẩy mạnh nguồn lực xã hội hóa hơn nữa. Kinh nghiệm nhiều nơi rất thành công nhờ kết hợp hiệu quả hai sức mạnh này. Trong thoát nghèo đa chiều thì còn cần mỡ rộng sự chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, học hành, bồi dưỡng nghề nghiệp mỡ ra cơ hội việc làm. Đối với hộ nghèo neo đơn, già yếu, sức khỏe kém, sức lao động yếu, phải có chính sách riêng như thế nào cho phù hợp.

Cần phải đổi mới mạnh mẽ phương thức và cách làm của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội:

Đổi mới mạnh mẽ phương thức và cách làm của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong việc hỗ trợ người dân giảm nghèo, chống bình quân bao cấp để sao cho một số hộ không còn cảm thấy may mắn " phấn khởi" khi được đứng trong danh sách hộ nghèo. Chính quyền cơ sở phải đi sâu sát để điều tra xác định rõ nguyên nhân dẫn đến nghèo đói của từng hộ thì mới có chính sách, giải pháp hỗ trợ phù hợp và hiệu quả. Đối với các đối tượng nghèo do thiếu sức lao động, do chưa có kinh nghiệm sản xuất, do thiếu vốn, gặp thiên tai, rủi ro, nghèo do tiêu pha không

có kế hoạch làm ăn, nghiện ngập, cờ bạc hay lười làm ăn…. Cần phải có chính sách riêng đối với từng đối tượng. Nhà nước không thể làm thay người nghèo mà chỉ nên đưa ra hình thức hỗ trợ phù hợp.

Tiểu kết chương 3

Công tác giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều ở nước ta hiện nay đang có những cơ hội thuận lợi cho việc thực hiện những mục tiêu mới đặt ra; song bên cạnh đó, nước ta cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Để hướng tới giảm nghèo bền vững một cách toàn diện, khách quan, công bằng và hiệu quả, đòi hỏi trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và nghĩa vụ, bổn phận của chính người dân, đặc biệt là hộ nghèo. Với mục tiêu nâng cao hiệu quả thực thi chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn Xã Phước Lưu, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, luận văn đã xây dựng hệ thống các giải pháp dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn. Các giải pháp được xây dựng dựa trên các mục tiêu đã đề ra gồm những giải pháp cụ thể như: Tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 – 2020 theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính; Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo hỗ trợ vốn ưu đãi cho người nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo bền vững; Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Muốn giảm nghèo hiệu quả và bền vững thì phải tìm ra nguyên nhân của nghèo; Đẩy mạnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền; Nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở xã,ấp; Thực hiện tôt công tác giám sát thực hiện chính sách đối với hộ nghèo.

Bên cạnh đó tác giả cũng đưa ra những kiến nghị, đề xuất cần thực hiện trong thời gian tới nhằm đảm bảo cho hộ nghèo tự nâng cao năng lực của mình để thoát nghèo bền vững như: Năng lực cá nhân để thoát nghèo bề vững; Điều kiện xã hội để thoát nghèo bền vững; Giải quyết quan hệ giữa tiêu chí năng lực; Làm sao để tạo động lực thoát nghèo bền vững; Hỗ trợ tài chính, cơ hội và nghề nghiệp; Cần phải

đổi mới mạnh mẽ phương thức và cách làm của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội.

Những giải pháp và đề xuất nêu trong Chương 3 được đúc kết từ lý luận và thực tiễn nên có tính khả thi cao, phù hợp với quy trình thực thi chính sách giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận đa chiều và yêu cầu thực tiễn đặt ra, tác giả tin tưởng rằng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác thực thi chính sách giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Phước Lưu trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

Nhằm góp phần vào công cuộc phát triển KTXH của xã nói riêng, cả nước nói chung, đề tài nghiên cứu với nội dung ***"Thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Phước Lưu, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh",*** đã góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về giảm nghèo đa chiều theo hướng bền vững cơ bản đã hoàn thành được nhiệm vụ trọng tâm mà luận văn đã đưa ra. Sau khi xác định được mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu. Luận văn đã đi sâu phân tích cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu, phân tích khung lý thuyết của luận văn, tác giả đi đến làm rõ khái niệm nghèo, nghèo đa chiều, phương pháp đo lường nghèo, sự cần thiết phải giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều, tiêu chí xác định nghèo, các yếu tố ảnh hưởng đến nghèo, quan niệm về chính sách công, chính sách giảm nghèo,thực thi chính sách GNĐC, quy trình thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều, vai trò của thực thi GNĐC, nội dung thực thi GNĐC. Bên cạnh đó tác giả cũng đã nêu lên một số kinh nghiệm giảm nghèo ở một số địa phương và kinh nghiệm, rút ra bài học của xã. Vấn đề quan trọng trong luận văn được tác giả đi sâu phân tích đó là thực trạng nghèo, nguyên nhân dẫn đến nghèo và các chính sách giảm nghèo đa chiều được thực hiện ở xã Phước Lưu. Qua đó, luận văn đã khái quát kết quả, sự thành công trong quá trình thực hiện chính sách GNĐC và những thành tựu đạt được trong giai đoạn 2015 – 2019. Đó là tỷ lệ hộ nghèo năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện chính sách giảm nghèo đa chiều thì tỷ lệ hộ nghèo cao nhất so với toàn huyện là 4,8% nhưng đến cuối năm 2019 tỷ lệ giảm còn 1,53%. Có được kết quả nêu trên là sự chung tay của cả hệ thống chính trị mà vai trò quyết định chính đó là sự nổ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững của hộ nghèo.

Song song với những kết quả đạt được, đồng thời luận văn cũng nêu lên hạn chế trong quá trình thực hiện giảm nghèo đa chiều như: tỷ lệ hộ nghèo mặc dù có giảm hàng năm nhưng chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề còn thấp, còn thiếu việc làm hoặc lười lao động ; một số hộ nghèo vẫn chưa muốn thoát nghèo và trông chờ, ỷ lại vào chính sách của Nhà nước; nguồn

lực đầu tư vào thực hiện chính sách GNĐC chưa nhiều, chưa huy động được nguồn lực tại chỗ…

Căn cứ vào thực trạng tình hình thực thi chính sách GNĐC, tác giả luận văn đã đề ra những giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực thi chính sách GNĐC ở xã Phước Lưu trong những năm tiếp theo đó là: Cần tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016 – 2020; Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo hỗ trợ vốn ưu đãi cho người nghèo; tìm ra nguyên nhân dẫn đến nghèo của các hộ gia đình , trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ phù hợp; Phát động mạnh mẽ phong trào đóng góp Quỹ "Vì người nghèo" và huy động nguồn kinh phí từ xã hội hóa hỗ trợ cho hộ nghèo; Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở xã; Đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền; Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo, ý thực tự chủ, tự phấn đấu, tinh thần tự lực của người dân trong quá trình xây dựng, thực hiện, giám sát nhằm nâng cao tính hiệu quả và tính bền vững của các chính sách giảm nghèo.

Nghiên cứu thực trạng của một vấn đề để có thể đưa ra những giải pháp giải quyết thực trạng đó cũng chính là quá trình hoàn thiện cơ sở lý luận về vấn đề đó. Các giải pháp nêu trong đề tài này mặc dù không thể đáp ứng được toàn bộ yêu cầu của công tác giảm nghèo đa chiều nhưng cũng góp phần vào nền tảng lý luận chung và công tác giảm nghèo ở xã.

Ngoài những giải pháp đã nêu trên tác giả còn đưa ra môt số kiến nghị rất quan trọng, sát thực tế của địa phương như:

Một là: cần tuyên tuyền, giáo dục nâng đỡ, khuyến khích ý chí , năng lực, việc làm của người dân. Tạo cho họ phát huy được năng lực sẵn có của họ, giúp họ có động lực tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

Hai là: Nhà nước cần tạo ra môi trường dân chủ, công khai, công bằng xã hội không chỉ trong bình xét hộ nghèo mà cả trong đánh giá, khuyến khích họ thoát nghèo. Mặc khác, tạo điều kiện kinh tế, kỷ thuật và xã hội có chất lượng để họ ít bị

rủi ro từ thiên tai, lũ lụt, ô nhiêm môi trường… đây chính là tạo nguồn lực xã hội cho người nghèo thoát nghèo bền vững chứ không chỉ là giúp vốn liếng để làm ăn.

Ba là: cần có chỉ số đánh giá sức lao động, năng lực lao động như thế nào thì mới thoát nghèo bền vững. Có tiêu chí phù hợp và điều tra, đánh giá khách quan, công tâm đúng đối tượng người nghèo, hộ nghèo không chỉ về các chỉ số cụ thể hữu hình mà cả chỉ số có tính gốc gác của vấn đề như sức lao động, khả năng lao động.

Bốn là: Để tạo động lực cho giảm nghèo thì phải có tác động vào nhân tố nền tảng cốt lõi của nó. Những nhân tố tác động đến động lực thoát nghèo bền vững, trước hết đó là sự nhận thức, sự giác ngộ, hiểu biết, sự quyết tâm, ý chí, kiên trì của hộ nghèo, thông qua hệ thống truyền thông, công tác dân vận, sự tạo điều kiện cơ hội cụ thể của xã hội từ cộng đồng và chính quyền, hội đoàn các cấp mà cán bộ là người trực tiếp, dễ thấy nhất.

Năm là: Cần đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực thực hiện chương trình giảm nghèo đa chiều, nhất là nguồn lực tài chính cần huy động không chỉ từ nguồn lực Nhà nước và xã hội, mà đẩy mạnh nguồn lực xã hội hóa hơn nữa.

Sáu là: Cần đổi mới mạnh mẽ phương thức và cách làm của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trong việc hỗ trợ người dân giảm nghèo

Giảm nghèo ở một xã nghèo, xã vùng sâu là một công việc vô cùng khó khăn đòi hỏi phải có một thời gian dài để thực hiện. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã cố gắng hệ thống hóa ở cơ sở từ lý luận và bám sát thực tiễn qua nhiều năm công tác tại địa phương. Luận văn cũng đã mỡ ra những vấn đề mới cần tiếp tục được nghiên cứu, xem xét như: mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các chủ thể cơ quan Nhà nước, tổ chức đoàn thể và cộng đồng trong thực hiện các giải pháp giảm nghèo; làm rõ vai trò cấp xã và cơ chế phân cấp nhằm phát huy tính chủ động của chính quyền cấp xã; giải pháp để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; những giải pháp chống tái nghèo và gia tăng khả năng nhận thức của người nghèo về ý thức tự thoát nghèo..... Tuy nhiên luận văn cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót về cách tiếp cận, về những luận giải cũng như phong cách trình bày. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của các

nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các thầy cô giáo và bạn đọc quan tâm đến giảm nghèo để tác giả có thể tiếp tục hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình trong thời gian tới

Mong rằng qua đề tài này sẽ cung cấp thêm những nhận thức sâu sắc về quá trình giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều hiện nay, đồng thời sẽ giúp ích cho xã trong việc đánh giá tình hình giảm nghèo đa chiều hàng năm ở địa phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Nguyên Anh (2015) "An sinh xã hội ở Việt Nam sau 30 năm đổi mới và định hướng đến 2030", *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, Tr. 4-12.

2. Đặng Nguyên Anh và Trần Nguyệt Minh Thu (2017) "Nghèo đa chiều: cách tiếp cận và vận dụng trong thực tiễn Việt Nam", *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3,tr. 4-13.

3. Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khóa XI (2012) *Nghị quyết 15-NQ/TW quy định về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020*, ban hành ngày 10/6/2012,Hà Nội.

4. Nguyễn Hoàng Bảo (2014) "Bất bình đẳng và tăng trưởng kinh tế vì người nghèo tại Việt Nam", *Tạp chí Phát triển kinh tế*, Số 289,Tr. 2-22.

5. Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (2018) *Báo cáo giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.

6. Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn (2017) *Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020*,ban hành ngày 09/10/2017, Hà Nội.

7. Chính phủ(2013) *Nghị định số 74/2013/NĐ-CP về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, ban hành ngày 15/7/2013*, Hà Nội.

8. Chính phủ (2015) *Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021*, ban hành ngày 01/12/2015, Hà Nội.

9. Chính phủ (2008) *Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*, ban hành ngày 12/12/2008, Hà Nội.

10. Chính phủ (2017) *Nghị quyết số 40/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2017 đối với lĩnh vực y tế*, ban hành ngày 10/5/2017, Hà Nội.

11. Nguyễn Thị Thủy Cúc (2019) *Quản lý Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững ở Huyện Trảng Bàng- Tỉnh Tây Ninh,* Luận văn thạc sĩ Quản lý kinh tế, học viện chính trị khu vực II.

12. Liêu Khắc Dũng (2017) *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia.

13. Vũ Cao Đàm (2012) *Kỹ năng phân tích và Hoạch định chính sách*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Nxb Thế Giới, Hà Nội.

14. Vũ Cao Đàm, Phạm Xuân Hằng, Trần Văn Hải và Đào Thanh Trường, (2011), *Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.

15. Đảng cộng sản Việt Nam (2015) *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận, thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016),*Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Đảng ủy xã Phước Lưu (2016) *Chương trình số 17-CTr/ĐU Về lãnh đạo công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 25/7/2016,Tây Ninh.

19. Đỗ Phú Hải (2012) *Những vấn đề cơ bản của chính sách công*, Nxb Học viện Khoa học xã hội,Hà Nội.

20. Nguyễn Hữu Hải, Lê Văn Hòa (2013) *Đại cương về chính sách công* ,Nxb Chính trị Quốc gia- sự thật, Hà Nội.

21. Châu Văn Hiếu (2016) *Công tác thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Huyện An Lão, Tỉnh Bình Định*, Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội.

22. Nguyễn Thị Hoa (2010) *Chính sách giảm nghèo ở Việt Nam đến năm 2015*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

23. Nguyễn Thị Hoa (2009) *Hoàn thiện các chính sách XĐGN chủ yếu của Việt Nam đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.

24. Nguyễn Thị Hoa (2009) *Hoàn thiện các chính sách XĐGN chủ yếu của Việt Nam đến năm 2015*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân.

25. Phạm Ngọc Hòa (2017) "Những thay đổi trong chính sách giảm nghèo ở Việt Nam", *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội,* số 3, tr 14-18.

26. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam (1995) *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ đển Bách khoa, Hà Nội.

27. Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh (2015) *Nghị quyết số: 36/2015/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 11/12/2015,Tây Ninh.

28. Hội đồng nhân dân xã Phước Lưu(2017) *Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND Về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 24/12/2016, Tây Ninh.

29. Bùi Thế Hưng(2015) *Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội.

30. Lưu Thanh Hưng, Nguyễn Thị Minh Châu (2018) **"**Tình trạng nghèo đa chiều ở lao động nhập cư khu vực phi chính thức tại Thành Phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Khoa học xã hội,* số 8, tr 53-68.

31. Lê Quốc Lý (2012) *Chính sách xóa đói giảm nghèo – thực trạng và giải pháp*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2011) *Các nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng nghèo ở các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại Học Mở TP.HCM.

33. Nguyễn Út Ngọc Mai (2015) *Quản lý Nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ ,Học viện Hành chính Quốc gia.

34. Huỳnh Ngọc Song Minh, Tạ Thị Thanh Trà, Nguyễn Đức Lộc (2019) "Phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều ở tỉnh Bình Dương",*Tạp chí Khoa học Thủ dầu một Tỉnh Bình Dương*, số 2(41), tr.14-21.

35. MTTQVN Tỉnh Tây Ninh(2016) *Đề án số 01/ĐA-MTTQ-BTT của Ban Thường trực UB.MTTQVN tỉnh Tây Ninh về việc hỗ trợ trâu/bò sinh sản cho hộ nghèo giai đoạn 2016 – 2020,* ban hành ngày 15/2/2016, Tây Ninh.

36. Dương Xuân Ngọc (2008) *Khoa học chính sách công*, Nxb Chính trị Quốc gia – sự thật, Hà Nội.

37. Lê Thanh Ngọc (2017) "Các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và giải pháp giảm nghèo bền vững vươn lên làm giàu tại vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Ngân hàng*, Số 11, Tr. 14-18.

38. Phan Thị Kim Phúc (2016) *Chính sách giảm nghèo bền vững từ thực tiễn Quận Tân Phú, TPHCM*, Luận văn thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội.

39. Quốc hội (2013) *Hiến pháp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013 sữa đổi)*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.

40. Quốc hội (2014) *Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020*, ban hành ngày 24/6/2014 ,Hà Nội.

41. Nguyễn Thế Tân (2015) *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh,* Luận văn thạc sĩ, Hoc viện Hành chính quốc gia.

42. Ngô Trường Thi (2016) *Định hướng và những giải pháp hoàn thiện chính sách giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020,*Hà Nội.

43. Phạm Quý Thọ và Nguyễn Xuân Nhật (2014) *Chính sách công*, nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Hội.

44. Văn Tất Thu (2014) "Năng lực thực hiện chính sách công - những vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, số 12.

45. Thủ tướng Chính phủ (2015) *Điểm a,b khoản 2 Điều 1 Quyết định số: 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 19/11/2015, Hà Nội.

46. Thủ tướng Chính phủ (2012) *Điều 1,2 Quyết định số: 59/2012/QĐ-TTg về chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 – 2020*, ban hành ngày 24/12/2012, Hà Nội.

47. Thủ tướng Chính phủ (2015) *Khoản 1,2,3 Điều 2 Quyết định số : 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 19/11/2015, Hà Nội.

48. Thủ tướng Chính phủ (2018) *Nghị quyết 71/NQ-CP về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt trong lĩnh vực giáo dục*, ban hành ngày 31/5/2018, Hà Nội.

49. Thủ tướng Chính phủ (2011) *Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015,* ban hành ngày 30/01/2011, Hà Nội.

50. Thủ tướng chính phủ (2013) *Quyết định số:15/2013/QĐ - TTg về tín dụng đối với hộ cận nghèo*,ban hành ngày 23/2/2013, Hà Nội.

51. Thủ tướng chính phủ (2015) *Quyết định số: 33/2015/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2011 – 2015,* ban hành ngày 10/8/2015, Hà Nội.

52. Thủ tướng Chính phủ(2015) *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020,* ban hành ngày 19/11/2015,Hà Nội.

53. Thủ tướng chính phủ (2008) *Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo*, ban hành ngày 22/12/2008, Hà Nội.

54. Thủ tướng Chính phủ(2015) *Quyết định 750/QĐ-TTg về việc điều chỉnh giãm lãi suất cho vay đối với một số chương trình tín dụng chính sách tại Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội Việt Nam*, ban hành ngày 1/6/2015, Hà Nội.

55. Thủ Tướng Chính Phủ (2015) *Quyết định số 1614/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án tổng thể "Chuyển đổi phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020",* ban hành ngày 15/9/2015, Hà Nội.

56. Thủ tướng Chính phủ(2016) *Quyết định số 1722/QĐ-TTg về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*, ban hành ngày 02/09/2016,Hà Nội.

57. Thủ tướng chính phủ (2009) *Quyết định số:1956/2009/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020,* ban hành ngày 27/11/2009*,* Hà Nội.

58. Thủ tướng Chính phủ(2016) *Quyết định số 2085/QĐ-TTg về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020,* ban hành ngày 31/10/2016, Hà Nội.

59. Thủ tướng (2016)" Không để ai để lại phía sau", <http:// thoi bao.today/paper/thu-tuong-khong-đe-ai-bo-lai-phia-sau-1215909>, (15/10/2016)

60. Tỉnh ủy Tây Ninh (2015) *Nghị quyết Đại hội đảng bộ Tỉnh Tây Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020*, ban hành ngày 14/10/2015,Tây Ninh.

61. Tỉnh ủy Tây Ninh (2016) *Nghị quyết số: 03/2016/NQ/TU về lãnh đạo thực hiện chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá, giai đoạn 2016-2020* , ban hành ngày 15/7/2016,Tây Ninh.

62. Tỉnh ủy Tây Ninh (2018) *Nghị quyết số: 06-NQ/TU về tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đến năm 2020,* ban hành ngày 11/4/2018,Tây Ninh.

63. Trần Anh Tuấn – Nguyễn Văn Xê – Lê Thanh Sang (2016) *Giảm nghèo đa chiều ở Thành Phố Hồ Chí Minh vấn đề và triển vọn*g, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

64. UBND Thành phố Tây Ninh (2016) *Báo cáo số 92 /BC-UBND về công*

tác giảm nghèo trên địa bàn Thành Phố giai đoạn : 2016 -2019, ban hành ngày 02/5/2016,Tây Ninh.

65. UBND Tỉnh Tây Ninh (2016) *Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND về việc quy định mức đóng học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập và chính sách miễn, giãm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh là hộ nghèo trên địa bàn Tỉnh,* ban hành ngày 29/12/2016,Tây Ninh.

66. UBND Tỉnh Tây Ninh (2018) *Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND về ban hành quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 – 2020*, ban hành ngày 29/5/2018,Tây Ninh.

67. UBND Tỉnh Tây Ninh(2017) *Quyết định số : 31/2017/QĐ-UBND Về việc quy định chuẩn hộ nghèo tỉnh và chính sách hộ trợ hộ nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020*, ban hành ngày 21/9/2017 ,Tây Ninh.

68. UBND Xã Bình Thạnh (2016) *Báo cáo số156/BC-UBND về công tác giãm nghèo bền vững trên địa bàn xã giai đoạn : 2016 -2019*, ban hành ngày 08/4/2016,Tây Ninh.

69. UBND Xã Phước Lưu (2018) *Báo cáo số 16/BC-UBND về tình hình phát triển kinh tế - xã hội,* ban hành ngày 12/4/2018, Tây Ninh.

70. UBND Xã Phước Lưu (2018) *Báo cáo số 23/BC-UBND về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo*, ban hành ngày 22/4/2018, Tây Ninh.

71. UBND Xã Phước Lưu (2015-2019) *Báo cáo số 32/BC-UBND về kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*, ban hành ngày 20/3/2015, Tây Ninh.

72. UBND xã Phước Lưu (2016*) Báo cáo số 37/BC-UBND về kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều,* ban hành ngày 12/11/2016, Tây Ninh.

73. UBND xã Phước Lưu (2018) *Báo cáo số 39/BC-UBND về kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều,* ban hành ngày 4/12/2018,Tây Ninh.

74. UBND xã Phước Lưu (2017) *Báo cáo số 43/BC-UBND về kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều,* ban hành ngày 19/11/2017,Tây Ninh.

75. UBND xã Phước Lưu (2019) *Báo cáo số 51/BC-UBND về kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều*, ban hành ngày 9/12/2019,Tây Ninh.

76. UBND xã Phước Lưu (2016) *Kế hoạch số: 32/2016/KH-UBND Về thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn: 2016- 2020*, ban hành ngày 27/8/2016, Tây Ninh.

77. Trần Long Vĩ (2016) "Khó thoát nghèo hay chúng ta quen sống khổ?", <https://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/cac-nuoc-da-thoat-ngheo-bo-viet-nam-o-lai-kho-thoat-ngheo-hay chung-ta-quen-song-kho-334755.html>, (ngày 19/10/2016).